

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 79 /BC – CTNBT

Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE (BEWACO).

Mã chứng khoán: NBT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 103, Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Mã Số doanh nghiệp: 1300107725.

Điện thoại: (0275) 3825727

Fax: (0275) 3827781

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Cấp thoát nước công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2023 tại đường dẫn <https://capnuocbentre.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:*

Báo cáo thường niên năm 2022



**Trần Hùng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE



**BÁO CÁO** | 2022  
**THƯỜNG NIÊN**



# MỤC LỤC

---

## 01 | THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

---

## 02 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## 03 | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

---

## **04 | ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

---

## **05 | BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

---

## **06 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



# THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH DƯƠNG



<b>Tên Công ty</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
<b>Tên viết tắt</b>	BEWACO
<b>Tên Tiếng Anh</b>	BEN TRE WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
<b>Mã cổ phiếu</b>	NBT
<b>Vốn điều lệ</b>	294.000.000.000 đồng
<b>Trụ sở chính</b>	Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
<b>Điện thoại</b>	(0275) 3811 533 - 3825 727
<b>Fax</b>	(0275) 3827 781
<b>Website</b>	<a href="http://www.capnuocbentre.vn">www.capnuocbentre.vn</a>
<b>Email</b>	<a href="mailto:capnuocbentre@yahoo.com">capnuocbentre@yahoo.com</a>
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN</b>	Số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 8 ngày 03/01/2023.





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 02/12/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 991/QĐ-UB về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Cấp thoát nước Bến Tre trực thuộc Sở Xây dựng Bến Tre. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là Sản xuất, phân phối nước; thoát nước bản; thi công lắp đặt mạng lưới cấp thoát nước. Trụ sở đặt tại số 103 Nguyễn Huệ, Phường 1, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Qua nhiều giai đoạn cải tạo và đầu tư xây dựng, Công ty hiện có 05 nhà máy xử lý nước với tổng công suất thiết kế 70.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

1992

2006

2015

Ngày 01/06/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định số 1353/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cấp thoát nước Bến Tre thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước từ ngày 01/01/2007.

Ngày 14/08/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 1580/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre. Ngày 24/09/2015, Công ty đã tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá đấu thành công bình quân là 10.177 đồng/cổ phần. Ngày 01/12/2015, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre với vốn điều lệ 280.000.000.000 đồng.

Ngày 02/01/2019, Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 294.000.000.000 đồng (tăng thêm 14 tỷ đồng) bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, trong đó, Nhà nước vẫn nắm giữ 64% vốn điều lệ.

Ngày 03/01/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

2016

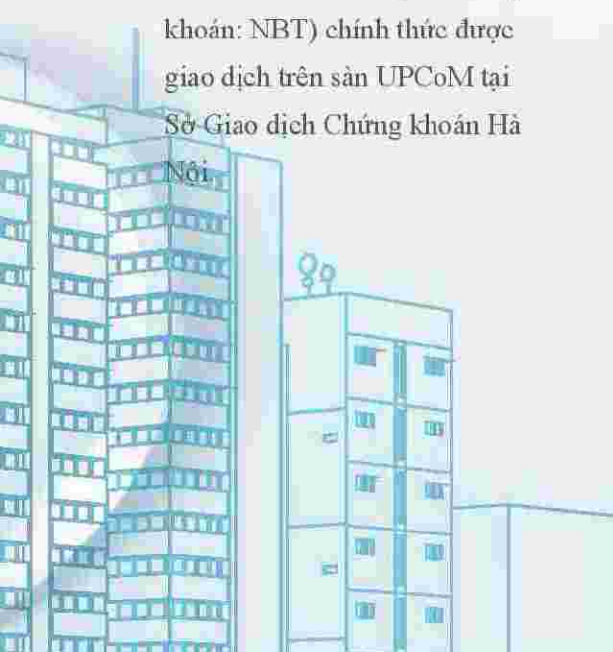
2019

2020

2023

Ngày 01/06/2016 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (mã chứng khoán: NBT) chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà

Ngày 13/03/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.





## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



### Lĩnh vực kinh doanh

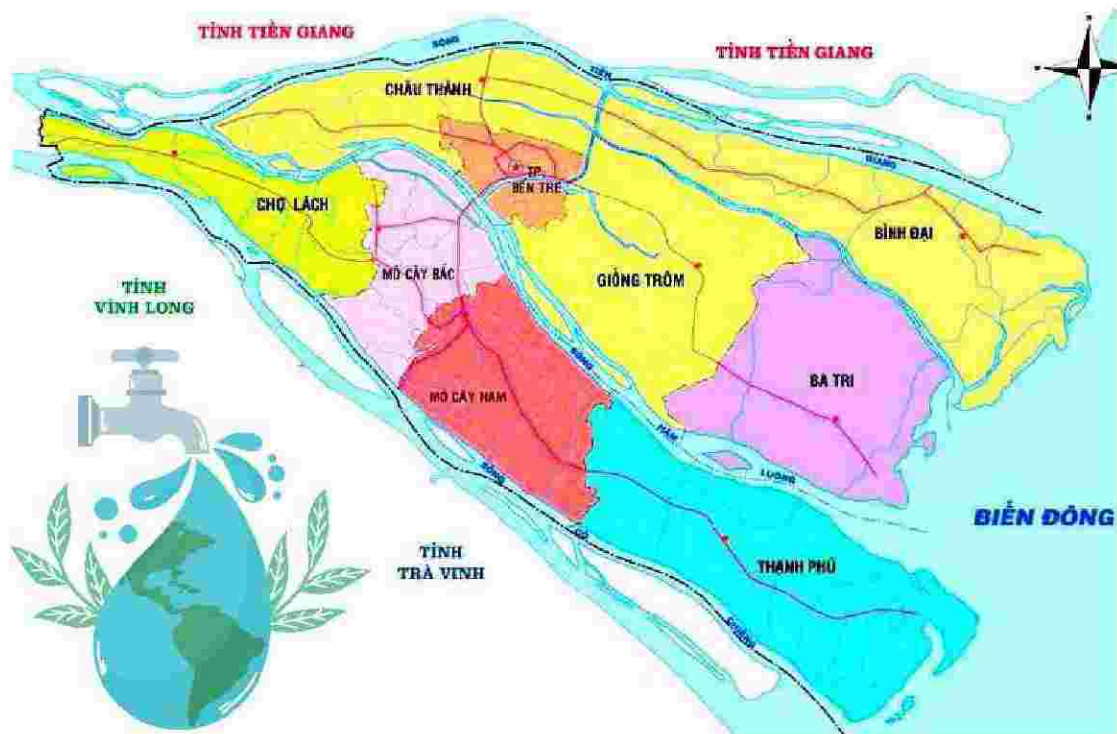
- Sản xuất và phân phối nước sạch
- Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thi công xây lắp, cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí và các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Thi công, xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh;
- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, công trình chuyên ngành cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.





## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thành phố Bến Tre, huyện Châu Thành (các xã Sơn Hòa, Tường Đa, An Hiệp, Hữu Định, Tân Thạch, An Khánh); huyện Giồng Trôm (thị trấn Giồng Trôm, các xã Mỹ Thạnh, Phong Nẫm, Phong Mỹ, Châu Hòa, Lương Hòa, Lương Quới, Bình Thành, Bình Hòa, Sơn Phú, Phước Long, Thuận Điền, Tân Thanh, Hưng Nhượng); huyện Mô Cày Nam (các xã Tân Thành Bình, Thanh Tân, Thành An, Định Thủy, Phước Hiệp); huyện Mô Cày Bắc (thị trấn Mô Cày Bắc và các xã Thành An, Tân Phú Tây, Phước Mỹ Trung,...); huyện Chợ Lách (thị trấn Chợ Lách và các xã Sơn Định, Hòa Nghĩa, Long Thới, Tân Thiềng,...) và các Khu Công nghiệp của tỉnh nằm trên địa bàn phục vụ.







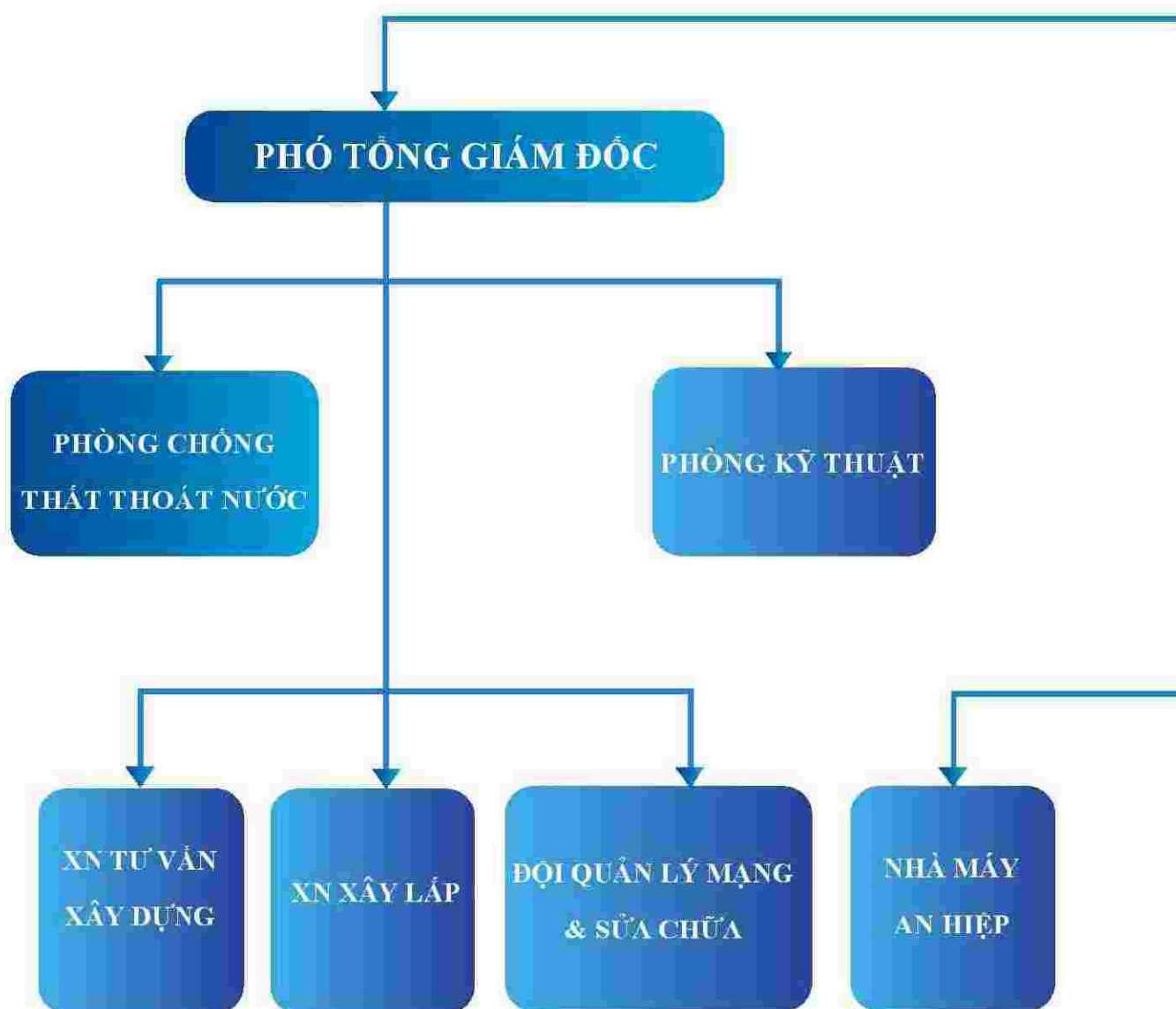
# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

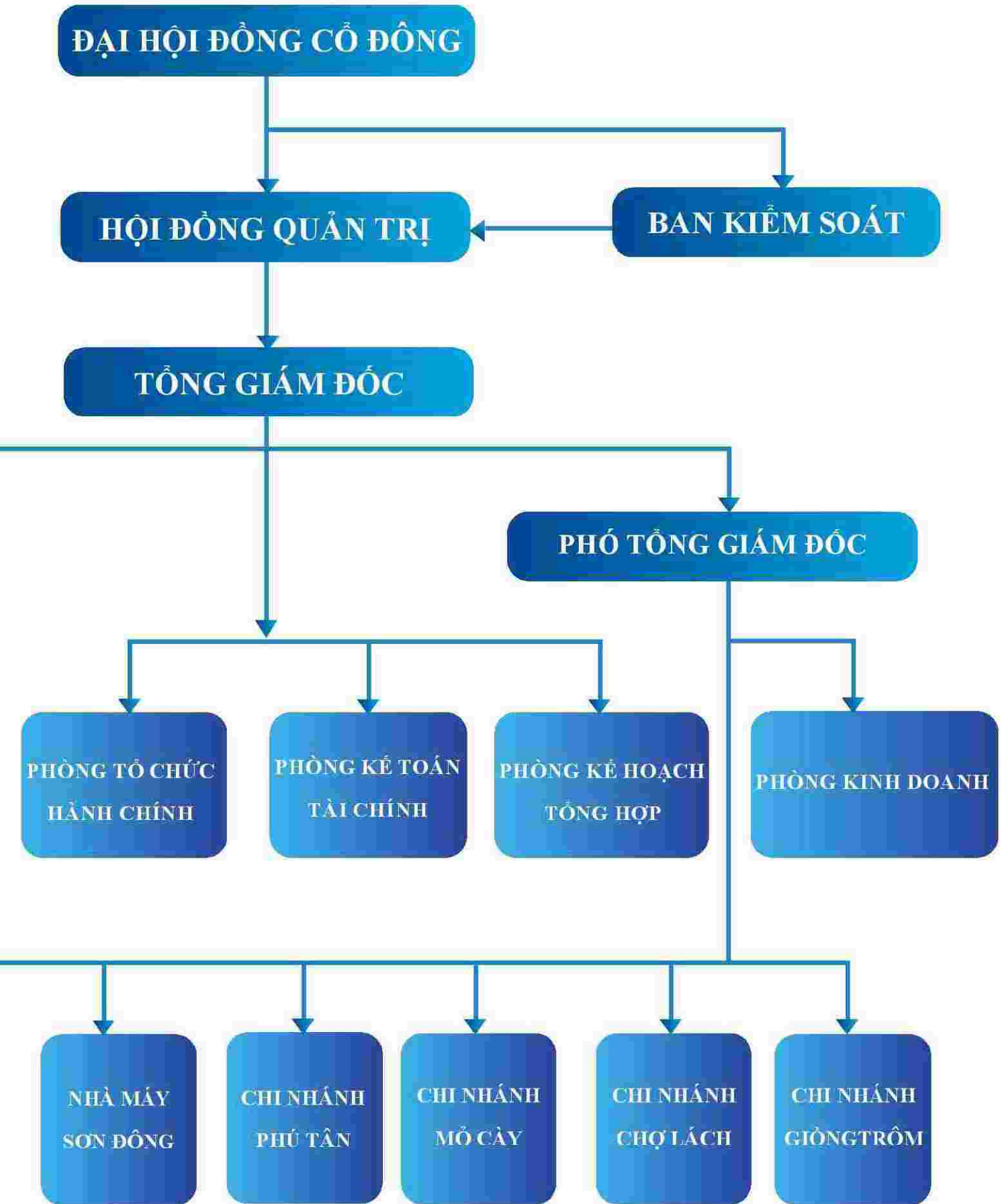


## Mô hình quản trị

Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Khối chuyên môn nghiệp vụ





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, BỘ MÁY KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ (tiếp theo)

## Các Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

## Các đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
01	Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp	Số 81A, QL 60, xã Hữu Định, Huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
02	Chi nhánh Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng	Số 103, Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hội, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
03	Chi nhánh Cấp nước Phú Tân	Số 81A -QL 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
04	Chi nhánh Cấp nước Giồng Trôm	Số 005, Khu phố 3, Thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, Bến Tre.
05	Chi nhánh Cấp nước Chợ Lách	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
06	Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cây	Ấp Mỹ Đức, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
07	Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre – Nhà máy nước An Hiệp	Lô A1-> A5, khu Công nghiệp An hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty xác định tầm nhìn chiến lược dài hạn để định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Phát triển và duy trì tiềm lực tài chính, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tập trung thực hiện các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo và nâng công suất của các nhà máy để đáp ứng nhu cầu trong sinh hoạt và trong sản xuất; chủ động khắc phục ảnh hưởng của hạn mặn theo chu kỳ hàng năm tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nước sạch do công ty cung cấp đạt chất lượng, tiêu chuẩn theo quy định.
- Hạn chế tối đa các vấn đề hao hụt, thất thoát nước thông qua việc tăng cường kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện và nhanh chóng đưa ra phương án sửa chữa, bảo trì và thay thế nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Tiếp tục cải tiến công tác ghi thu tiền nước theo hình thức thanh toán điện tử, hạn chế tỷ lệ tồn thu xuống mức tối đa.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, tiếp tục thực hiện các công tác đào tạo, huấn luyện để xây dựng đội ngũ cán bộ quản trị, kinh doanh, tài chính, sản xuất chuyên môn cao để hoàn thành các mục tiêu đề ra.
- Tập trung huy động nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp thiết bị và áp dụng công nghệ tiên tiến, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Ngoài mảng kinh doanh chính là cung cấp nước sạch, Công ty sẽ đầu tư nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới nhằm góp phần mang lại hiệu quả kinh tế chung.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh bền vững trong trung và dài hạn, nâng cao hiệu quả và đảm bảo hài hòa quyền và lợi ích của cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.
- Đặt mục tiêu tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp luôn đi kèm với các mục tiêu an sinh xã hội, lợi ích của cộng đồng. Triển khai, tăng cường đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước để cung cấp cho các khu dân cư tập trung, các tuyến đường mới mở, các khu, cụm công nghiệp để tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng nước.
- Chú trọng công tác phân vùng, tách mạng; tăng cường các giải pháp phòng chống thất thoát nước, ứng dụng các công nghệ mới trong công tác dò tìm ống bể, có biện pháp quản lý tốt và tìm kiếm nhanh các vị trí rò rỉ, có kế hoạch thay thế hệ thống ống dẫn cũ nhằm quản lý tốt chất lượng nước, hạn chế tối đa các vấn đề hao hụt, thất thoát nước và các rủi ro khác, góp phần giúp cho doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của bộ máy quản lý, đồng thời phát triển nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao thông qua việc bồi dưỡng và các khóa đào tạo.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng cải tiến phương pháp làm việc, khuyến khích người lao động đưa ra các giải pháp hiệu quả, ý tưởng sáng tạo đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Công ty.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

### Mục tiêu đối với môi trường

- Là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch nên Công ty luôn nhận thức rõ ràng trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước và đảm bảo cung cấp nước sạch, chất lượng đến với người dân trong địa bàn phục vụ của Công ty.
- Đặc biệt, Công ty không đặt lợi ích kinh tế lên trên lợi ích của cộng đồng, đảm bảo toàn bộ quy trình sản xuất, cung cấp nước và xử lý chất thải đều theo đúng quy định.

### Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Công ty luôn chú trọng bảo vệ lợi ích của toàn bộ cán bộ và nhân viên và triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) nhằm tăng cường phúc lợi cho nhân viên, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
- Bên cạnh đó, Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước. Thường xuyên, tích cực tổ chức, tham gia các hoạt động Đoàn thể, hoạt động tình nguyện và các chiến dịch công tác xã hội khác theo hướng trực tiếp và thiết thực.





**☞ CÁC RỦI RO**





## Rủi ro kinh tế

Sau giai đoạn 2 năm 2020-2021 thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng, chống dịch, vừa phát triển kinh tế", trong năm 2022 vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng tốt. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2022 của Việt Nam tăng cao ở mức 8,02%, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Với hàng loạt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch từ Chính phủ, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 vượt gần 28% so với dự toán và tăng 15% so với năm 2021. Điều này đã cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đã phản ứng tích cực đối với các cơ hội mở ra sau đại dịch và nhanh chóng đẩy mạnh phát triển. Tuy nhiên, trước bối cảnh của nền kinh tế toàn cầu có nhiều biến động, tình trạng lạm phát cao kéo dài ở nhiều quốc gia, cạnh tranh chính trị giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ukraine và các hệ quả đi kèm đã làm gia tăng rủi ro tiềm ẩn lên thị trường tài chính, khủng hoảng năng lượng, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và đặc biệt là rủi ro của cuộc suy thoái toàn cầu như báo cáo của Ngân hàng thế giới (World Bank).


Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước thường không chịu tác động nghiêm trọng từ các yếu tố kinh tế vĩ mô, do sản phẩm kinh doanh nước sạch sinh hoạt được xếp vào loại hàng hóa thiết yếu và luôn nằm trong danh mục các lĩnh vực được khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, tình hình kinh

tế vĩ mô lại có tác động trực tiếp lên đời sống xã hội cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất khác trên địa bàn, từ đó gây ảnh hưởng lên nguồn thu chiếm tỷ trọng cao của Công ty. Do đó, BEWACO vẫn luôn theo dõi các diễn biến kinh tế vĩ mô, để từ đó kịp thời đánh giá, phòng ngừa và đưa ra phương án xử lý các rủi ro kinh tế có thể xảy ra.

Hiện nay, thành phố Bến Tre đang tiến tới mục tiêu xây dựng đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quê hương xứ dừa. Trong thời gian qua, tỉnh Bến Tre đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho công tác phát triển đô thị, đồng thời thực hiện tốt công tác quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật với hướng đi văn minh, xanh, sạch và đẹp. Ngoài ra, về tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đến cuối năm 2022, GRDP của tỉnh ước tính tăng 7,33% so với cùng kỳ năm trước. Dân số của tỉnh là 1.298.006 người, tăng 0,18% so với năm 2021. Những số liệu trên cho thấy cả quy mô kinh tế cũng như nhu cầu tiêu dùng đều có sự cải thiện, tác động tích cực lên hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, dự án xây dựng cầu Rạch Miễu 2 đã được khởi công đúng theo tiến độ, khởi động dự án tuyến đường bộ ven biển nối ba tỉnh Bến Tre, Tiền Giang và Trà Vinh, xúc tiến triển khai Dự án Nhà máy Hydro xanh Bến Tre,... và một số dự án khác cũng góp phần làm tiền đề cho sự tăng trưởng của BEWACO trong tương lai.





 **Rủi ro pháp luật**

**H**oạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chịu tác động bởi hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Tài nguyên nước,... Trong những năm tiếp theo, hệ thống pháp luật hoàn toàn có thể được điều chỉnh hoặc bổ sung để phù hợp với từng giai đoạn cụ thể của nền kinh tế. Đặc biệt là kế hoạch xây dựng Luật Cấp thoát nước dự tính trình Quốc hội thông qua trước năm 2025. Ý thức được nghĩa vụ phải thực hiện, Công ty luôn không ngừng cập nhật những thay đổi mới trong hệ thống pháp luật để tránh được những rủi ro liên quan đến các vấn đề pháp lý trong tương lai và xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.



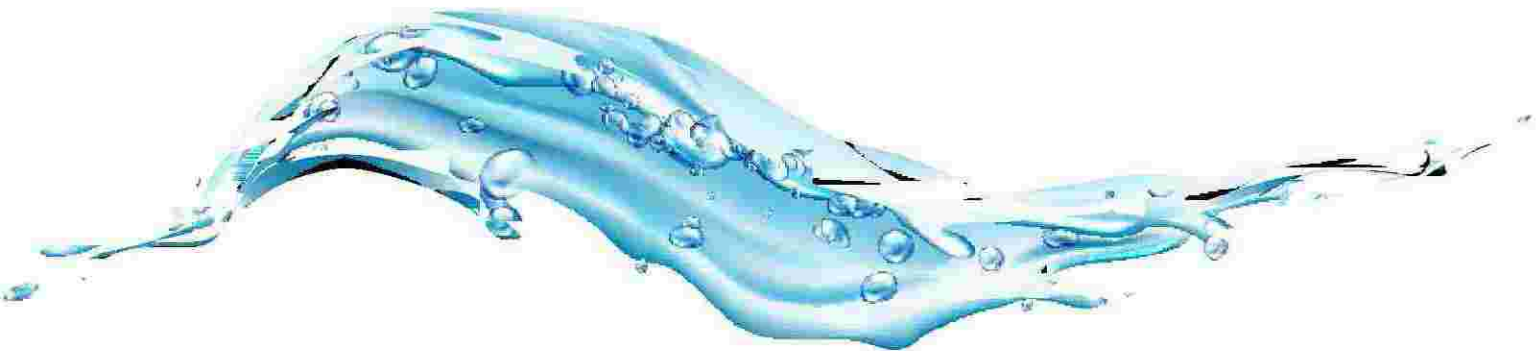
**JUSTICE**



## Rủi ro về giá đầu vào

Tương tự như các sản phẩm hoạt động kinh doanh xăng, dầu, điện,... Nước sạch cũng được coi là mặt hàng thiết yếu, được Nhà nước quy định khung giá và mức giá cụ thể (giá bán lẻ nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương ban hành) dựa trên các tính chất đặc thù của từng khu vực, cũng như tình hình biến động các chi phí, điều kiện sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, hiện tại các chi phí đầu vào như nguyên vật liệu xử lý nước, giá điện, chi phí nhân công... đang có xu hướng tăng nhưng đơn giá có thể không

được điều chỉnh kịp thời. Từ năm 2020 đến năm 2022 nguồn nước mặt dùng cho xử lý thường xuyên bị nhiễm mặn vào những tháng đầu năm (dự báo năm 2023 tiếp tục xâm nhập mặn), chi phí đầu tư cho công tác ứng phó hạn mặn là khá lớn, đây là khoản chi phí không lường trước được và hiện chưa được tính vào giá thành. Do đó, BEWACO cần liên tục theo dõi, đưa ra định hướng và xây dựng chiến lược linh hoạt, giải quyết tất các vấn đề có thể phát sinh để đảm bảo quá trình kinh doanh luôn hiệu quả.



## Rủi ro hoạt động

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới lòng đất luôn đặt ra vấn đề về việc kiểm soát tình trạng thất thoát nước cho tất cả các doanh nghiệp trong ngành nói chung và BEWACO cũng không ngoại lệ. Trong mạng lưới cấp nước luôn duy trì áp lực ở mức cao nên thường xuyên xảy ra các hiện tượng xi bể đường ống, gây ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân như hiện tượng mất nước, nước yếu, nước đục, ... Tỷ lệ thất thoát nước cao gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như gây lãng phí đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro này, Công ty luôn tập trung cải tạo, thay thế những đường ống cũ, dò tìm ống bể để khắc phục và xử lý kịp thời, điều tiết hợp lý các nguồn nước theo hướng tăng sản lượng nước từ các nhà máy nước do Công ty quản lý.

### Rủi ro môi trường

Chất lượng của nguồn nước là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng lên quá trình xử lý để sản xuất nước sạch. Bến Tre có mạng lưới sông ngòi chằng chịt với tổng chiều dài xấp xỉ 6.000 km với 4 con sông chính là sông Tiền, sông Cổ Chiên, sông Hàm Luông, sông Ba Lai và nhiều con sông, kênh, rạch lớn nhỏ khác. Mùa khô 2022 - 2023, nhận định xâm nhập mặn ở mức sớm hơn trung bình nhiều năm. Từ nửa cuối tháng 12/2022, mặn bắt đầu xâm nhập vào khu vực gần cửa sông. Xâm nhập mặn sâu nhất ở mức xấp xỉ và thấp hơn mùa khô 2021 - 2022. Độ mặn cao nhất và xâm nhập sâu nhất xuất hiện vào tháng 2 và tháng 3 năm 2023. Mặc dù tình hình xâm nhập mặn vào mùa khô năm nay có thể không gay gắt như giai đoạn mùa khô 2019 - 2020, tuy nhiên khả năng xâm nhập mặn sâu bất thường làm cho nguồn nước ngọt không ổn định ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, chất lượng nguồn nước cũng đang ngày

càng giảm sút do ảnh hưởng từ quá trình công nghiệp hóa, chất thải sinh hoạt do ý thức người dân chưa cao cũng làm gia tăng chi phí xử lý nước cũng như nguồn nhân lực, làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tạo khó khăn trong việc cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho người dân. Việc “đóng cổng ngăn mặn trữ ngọt” lâu ngày cũng làm ảnh hưởng chất lượng nguồn nước tích trữ. Nắm bắt được các vấn đề trên, trong thời gian tới, BEWACO cần phải tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó xâm nhập mặn cho mùa khô 2022 - 2023. Bên cạnh đó Công ty phải thường xuyên kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống xử lý nước tại các nhà máy trong Công ty phải được bảo trì định kỳ nhằm duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất đảm bảo chất lượng nước sạch phục vụ khách hàng.







## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã được nhận diện trên, Công ty cũng gặp phải những tác động tiêu cực từ những nhân tố bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động... Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho nhân viên và tránh mất mát không đáng có trong hoạt động kinh doanh, BEWACO luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng cháy, cứu hộ, cứu nạn, cũng như thường xuyên kiểm tra thiết bị và cập nhật thông tin về thời tiết, thủy văn, xã hội. Ngoài ra, hàng năm Công ty cũng tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn điều dưỡng cho công nhân viên và bảo hiểm cho tài sản của Công ty.





# 2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông,  
thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội  
của công ty





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

#### Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu cung cấp nước sạch	203.899	98,74%	213.319	99,00%	9.420	104,62%
Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	1.936	0,94%	1.342	0,62%	(594)	69,32%
Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	80	0,04%	611	0,28%	531	763,75%
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	582	0,28%	205	0,1%	(377)	35,22%
<b>Tổng cộng</b>	<b>206.497</b>	<b>100,00%</b>	<b>215.477</b>	<b>100,00%</b>	<b>8.980</b>	<b>104,35%</b>

Trong năm 2022, cơ cấu doanh thu của Công ty duy trì ổn định và tăng trưởng không nhiều so với năm trước. Trong đó, doanh thu từ cung cấp nước sạch chiếm tỷ trọng cao nhất với 99%. Đây cũng là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể doanh thu từ hoạt động này chiếm 99% doanh thu thuần, đạt hơn 213 tỷ đồng tương đương với mức tăng trưởng 104,62% so với năm 2021. Nguyên nhân đến từ việc sau khoảng thời gian dài chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất, sinh hoạt đã quay trở lại bình thường dẫn đến nhu cầu lượng nước sinh hoạt và sản xuất tăng lên đáng kể.

Các mảng doanh thu còn lại như doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước, doanh thu từ hoạt động thu phí bảo vệ môi trường, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu thuần và không có tác động đáng kể tới kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Việc phát triển đồng bộ một số lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty có ưu thế cũng góp phần tạo điều kiện cho Công ty hoạt động một cách bền vững, lâu dài, ổn định.

Nhìn chung trong năm 2022, BEWACO vẫn duy trì hoạt động khai thác, sản xuất nước ổn định, hiệu quả và đảm bảo nguồn cung đáp ứng nhu cầu của khách hàng khi tổng doanh thu thuần ghi nhận đạt 215,5 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,35% so với cùng kỳ.





## Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH Năm 2022/KH Năm 2022	TH Năm 2022/TH Năm 2021
Sản lượng nước ghi thu	m <sup>3</sup>	19.996.356	20.409.000	20.499.306	100,44%	102,52%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	210.563	216.000	217.311	100,61%	103,20%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	56.690	53.000	65.802	124,15%	116,07%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	46.773	44.000	54.566	124,01%	116,66%
Nộp ngân sách NN	Triệu đồng	17.506	100% theo quy định	18.766	100,00%	106,81%
Tỷ suất LN sau thuế /VĐL	%	15,91	14,97	18,56	3,59	2,65
Tỷ lệ thất thoát nước	%	23,30	20,00	25,27	5,27	1,97

Doanh thu trong năm 2022 ghi nhận đạt 217,31 tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2021, và đạt 100,61% kế hoạch năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm trước, nhằm hỗ trợ phần nào khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, công ty đã giảm 10% tiền nước cho khách hàng, trong tháng 08 và tháng 09 với tổng số tiền giảm lên đến hơn 3,2 tỷ đồng. Ngoài ra còn giảm khối lượng nước cho gia đình chính sách, hộ nghèo bị bể ống sau đồng hồ. Đến nay, dịch bệnh đã được kiểm soát, tình hình kinh tế - xã hội cũng quay lại trạng thái bình thường mới nên không còn giảm tiền sử dụng nước, vì vậy doanh thu năm 2022 cải thiện so với năm trước.

Bên cạnh đó, tình hình xâm nhập mặn tiếp tục xảy tại địa bàn huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre làm cho nguồn nước thô cung cấp cho nhà máy Lương Quới của Công ty bị ảnh hưởng. Công ty phải tốn nhiều chi phí để mua nước

thô ngọt và đầu tư các công trình chống mặn để đảm bảo cung cấp nước sạch có độ mặn trong giới hạn cho phép để cung cấp phục vụ khách hàng. Tuy nhiên, chi phí mua nước thô trong 2022 đã có xu hướng giảm so với năm trước, điều này làm lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2022 đạt 54,566 tỷ đồng, tăng 16,66% so với năm 2021 và hoàn thành 124,01% kế hoạch đã đề ra. Nhìn chung, các chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021 và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Với quan điểm đoàn kết, gắn bó nội bộ, Ban lãnh đạo BEWACO đã nỗ lực vận hành mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh chính nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Đây là tín hiệu khá quan cho thấy Công ty đã có những nỗ lực để vượt qua các khó khăn và tạo đà cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.





**Danh sách Ban điều hành**

Tính tại ngày 31/12/2022

Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Trần Hùng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	3.822.000	13%	7.770	0,026%
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	-	-	6.300	0,021%
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	-	-	1.365	0,005%
Võ Thi Thiên Trang	Kế toán trưởng	-	-	20.865	0,071%





## Lý lịch Ban điều hành

### **ÔNG TRẦN HÙNG**

**Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**

**Ngày sinh** : 13/12/1972 **Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ** : Số 175/2 C1, Trần Quốc Tuấn, Khu phố 2, Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư Đô thị - chuyên ngành cấp nước; Cử nhân Luật.

**Quá trình công tác** :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
06/1991 - 10/1992	Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
11/1992 - 06/1994	Nhân viên thu ngân tại phòng Kinh doanh, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
07/1994 - 12/1998	Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/1999 - 01/2002	Nhân viên tại phòng Kỹ thuật, Công ty cấp thoát nước Bến Tre.
02/2002 - 07/2010	Phó phòng Kỹ Thuật, Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.
08/2002 - 11/2015	Giám đốc XN Tư vấn Xây dựng thuộc Công ty TNIII MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
12/2015 - 12/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.
01 /2019 - nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- *Đại diện sở hữu*: 3.822.000 cổ phần, chiếm 13% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Bến Tre).
- *Sở hữu cá nhân*: 7.770 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ.

**ÔNG TRẦN THANH BÌNH**

**Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc**

**Ngày sinh** : 29/09/1982 **Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ** : Khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Cao đẳng Cấp thoát nước; Kỹ sư kỹ thuật công trình  
**Quá trình công tác** :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
04/2005 – 12/2010	Nhân viên Đội thi công – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2011 – 02/2013	Nhân viên Xi nghiệp Xây lắp – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
03/2013 – 12/2016	Đội trưởng Đội Quản lý mạng và sửa chữa – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2017 – 12/2018	Trưởng phòng Chống thất thoát nước – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 10/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
11/2018 – 12/2022	TV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 – Nay	TV HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- *Đại diện sở hữu*: Không có
- *Sở hữu cá nhân*: 6.300 cổ phần, chiếm 0,021% vốn điều lệ.

## **ÔNG PHAN THANH BÌNH**

**Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc**

**Ngày sinh** : 12/04/1985 **Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ** : Ấp An Hòa, xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân cao đẳng Cấp thoát nước; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kỹ thuật công trình

**Quá trình công tác** :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
2007 – 2010	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2010 – 2015	Nhân viên Xí nghiệp Tư vấn xây dựng – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2015 – 2018	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Chợ Lách trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2018 – 12/2018	Trưởng phòng Kinh doanh, trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 12/2022	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 – Nay	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- *Đại diện sở hữu*: Không có
- *Sở hữu cá nhân*: 1.365 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.



**BÀ VÕ THỊ THIÊN TRANG**

Kế toán trưởng

**Ngày sinh** : 15/03/1973 **Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ** : Số 509A/2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kế toán.  
**Quá trình công tác** :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
07/1999 – 01/2000	Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
02/2000 – 03/2007	Kế toán tổng hợp Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
04/2007 – 11/2015	Phó phòng Kế toán kiêm kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
01/12/2015 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: 20.865 cổ phần, chiếm 0,071% vốn điều lệ.

 **Những thay đổi trong Ban điều hành**

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Trần Thanh Bình	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	-	01/03/2023
Trần Thanh Bình	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	01/03/2023	-
Ông Phan Thanh Bình	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	28/12/2022	-



## Số lượng cán bộ, nhân viên

Tại ngày 31/12/2022

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>289</b>	<b>100,00%</b>
1	Trên đại học	4	1,38%
2	Đại học, cao đẳng	92	31,83%
3	Trung cấp	61	21,11%
4	Công nhân kỹ thuật	23	7,96%
5	Lao động phổ thông	109	37,72%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>289</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	8	2,77%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	281	97,23%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	0,00%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>289</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	224	77,51%
2	Nữ	65	22,49%



## Thu nhập bình quân

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	273	281	291	283
Thu nhập bình quân (Đồng/người/tháng)	10.200	10.600	10.300	10.400

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

#### Điều kiện và chế độ làm việc

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chủ trương xây dựng văn hóa và môi trường làm việc an toàn, xanh sạch đẹp, quan tâm đến điều kiện làm việc của cán bộ nhân viên, bố trí nơi làm việc tiện nghi, thoáng mát; cung cấp đầy đủ máy móc, trang thiết bị, phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân lao động trực tiếp. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng các chế độ về thời gian làm việc, chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép hợp lý và tuân thủ theo quy định của Bộ Luật Lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ, nhân viên. Hàng năm, Công ty đều có kế hoạch và thực hiện cải tạo sửa chữa, nâng cấp nơi làm việc, trang bị mới trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Chính sách tuyển dụng

Trong quá trình hoạt động và không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã áp dụng quy trình tuyển dụng ứng với từng vị trí công việc và các yêu cầu chuyên môn cụ thể cho từng bộ phận. Nhờ đó, chất lượng của các đợt tuyển dụng đã được cải thiện, thành công tuyển được nhân sự vừa có tinh thần trách nhiệm, vừa đạt được các yêu cầu công việc về cả chuyên môn và các kỹ năng. Chú trọng quy hoạch nhân sự cho công tác quản lý, ưu tiên xem xét, điều động, bổ nhiệm cho ứng viên nội bộ dựa vào năng lực, kinh nghiệm và mức độ phù hợp với vị trí, nhiệm vụ.

Các chính sách lương thưởng hấp dẫn dựa trên năng suất làm việc, cùng với môi trường làm việc mang tính cạnh tranh để cùng phát triển cũng giúp thu hút được nguồn nhân lực đạt chất lượng. Ngoài ra, chính sách và cơ chế đánh giá chất lượng nhân viên hàng năm cũng được quy định và công bố minh bạch, đảm bảo tính công bằng và lợi ích xứng đáng của mọi nhân viên.





### ➤ Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Bên cạnh việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật về các chính sách đãi ngộ, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ nghỉ phép, thai sản, tăng ca,... Công ty đã xây dựng quy chế lương thưởng, phúc lợi dựa trên tình hình hoạt động của doanh nghiệp, mức độ yêu cầu công việc, trách nhiệm của từng vị trí cụ thể. Đồng thời tổ chức nhận xét, đánh giá chất lượng và mức độ hiệu quả của từng bộ phận, từng cá nhân, kèm theo việc khuyến khích nhân viên đưa ra các giải pháp, ý tưởng sáng tiến – cải tiến để nâng cao năng suất làm việc, từ đó đưa ra đề xuất khen thưởng vào cuối năm.

### ➤ Chính sách đào tạo

Để xây dựng và duy trì đội ngũ nhân viên có chất lượng cao, ngoài công tác tuyển dụng, lương thưởng, đãi ngộ hấp dẫn, Công ty còn chú trọng các chính sách đào tạo lại tại chỗ kinh nghiệm, phát triển nguồn nhân lực; tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo chuyên môn và các kỹ năng khác, tổ chức đào tạo thi nâng bậc nghề cho công nhân. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ công nhân viên ở các đơn vị trong ngành để trao dồi kiến thức, nâng cao nghiệp vụ. Nhờ vào các hoạt động này, toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty được trang bị đầy đủ kiến thức, tay nghề và kỹ năng để áp dụng vào công việc, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.





## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



### Các khoản đầu tư lớn:

Hoàn thành một số công trình dở dang từ năm 2020 và năm 2021 chuyển sang. Triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu, thi công hoàn thành các công trình trọng điểm như Tuyến ống cấp nước MPVC từ NMN Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành, Xây dựng cụm xử lý 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Bể chứa nước sạch 1.000 m<sup>3</sup> trạm tăng áp Hâm Luông; thi công hoàn thành Gói thầu số 1, hoàn thành các thủ tục có liên quan và tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công Gói thầu số 2 thuộc dự án Tuyến ống cấp nước từ nhà máy nước Hữu Định về khu công nghiệp Giao Long.

Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng tại các nhà máy nước; Cải tạo thay thế các tuyến ống cũ nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước; Mua sắm thiết bị văn phòng, phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý của Công ty.

Trong năm 2022 tổng giá trị đầu tư các hạng mục, công trình là 62.159 triệu đồng.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



## Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh 2022/2021	
			Giá trị	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	518.518	510.468	(8.050)	98,45%
Doanh thu thuần	206.496	215.478	8.982	104,35%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	55.961	65.476	9.515	117,00%
Lợi nhuận khác	730	326	(404)	44,66%
Lợi nhuận trước thuế	56.690	65.801	9.112	116,07%
Lợi nhuận sau thuế	46.773	54.566	7.793	116,66%
Tỷ lệ cổ tức	9%	11%	2%	122,22%





## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,81	0,98
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,55	0,79
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,83%	19,43%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,92%	24,12%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,46	7,16
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,40	0,42
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	22,68%	25,32%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,56%	13,27%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,03%	10,69%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	27,14%	30,39%



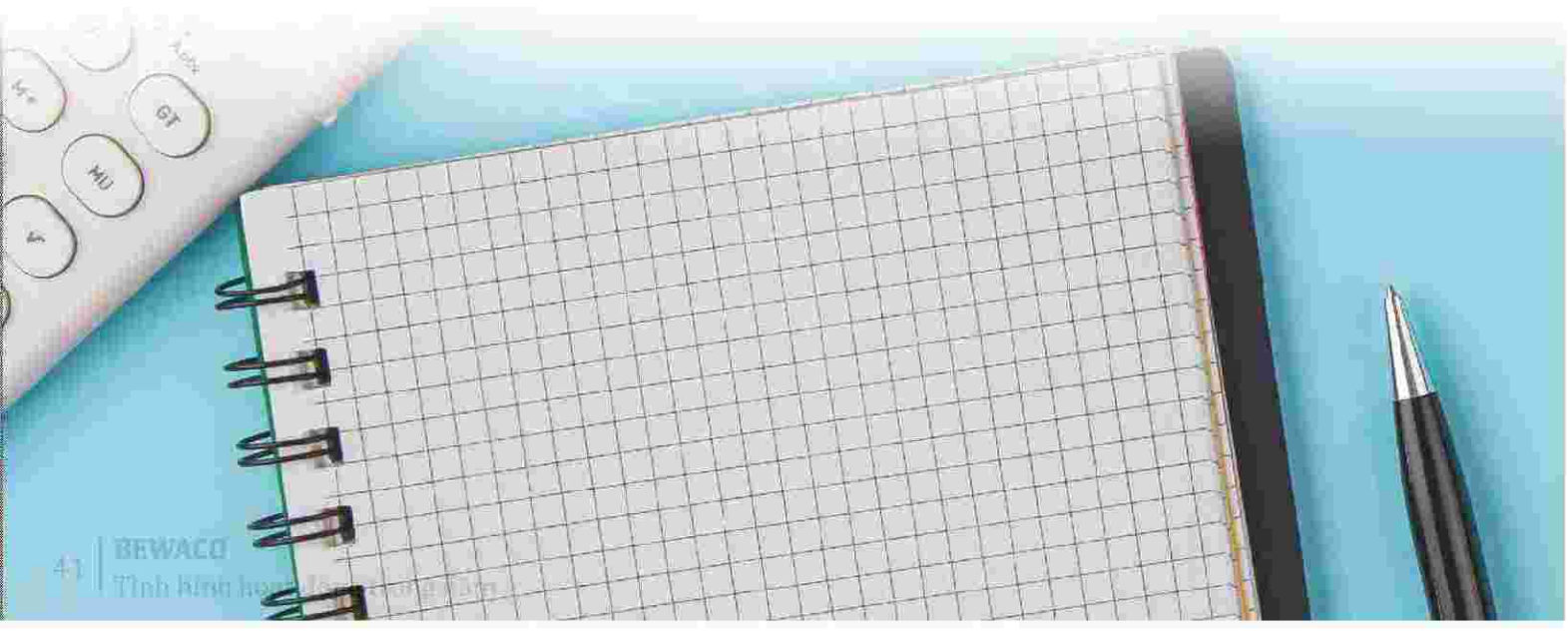
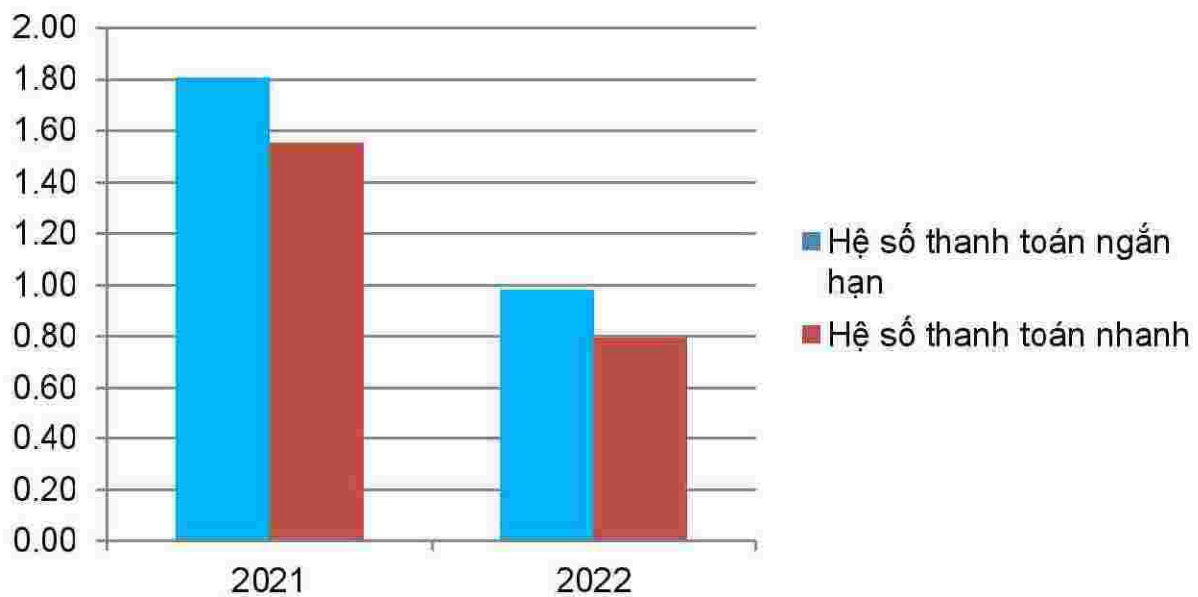
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)

#### ➤ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng giảm. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 0,98 lần so với mức 1,81 lần vào năm 2021, khả năng thanh toán nhanh đạt 0,79 lần tương ứng giảm so với mức 1,55 lần vào năm 2021. Nguyên nhân của sự thay đổi này chủ yếu là do sự sụt giảm đáng kể trong tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp cùng với mức gia tăng nhẹ trong nợ phải trả ngắn hạn.

Về tổng quát, cả hai chỉ tiêu về khả năng thanh toán, khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty đều có xu hướng giảm, một phần là do trong năm không phát sinh các khoản tiền thu hồi từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác như năm trước, đồng thời là việc phát sinh khoản tiền cổ tức phải trả, tuy nhiên các chỉ số này nhìn chung vẫn tương đối khả quan so với tình hình chung.

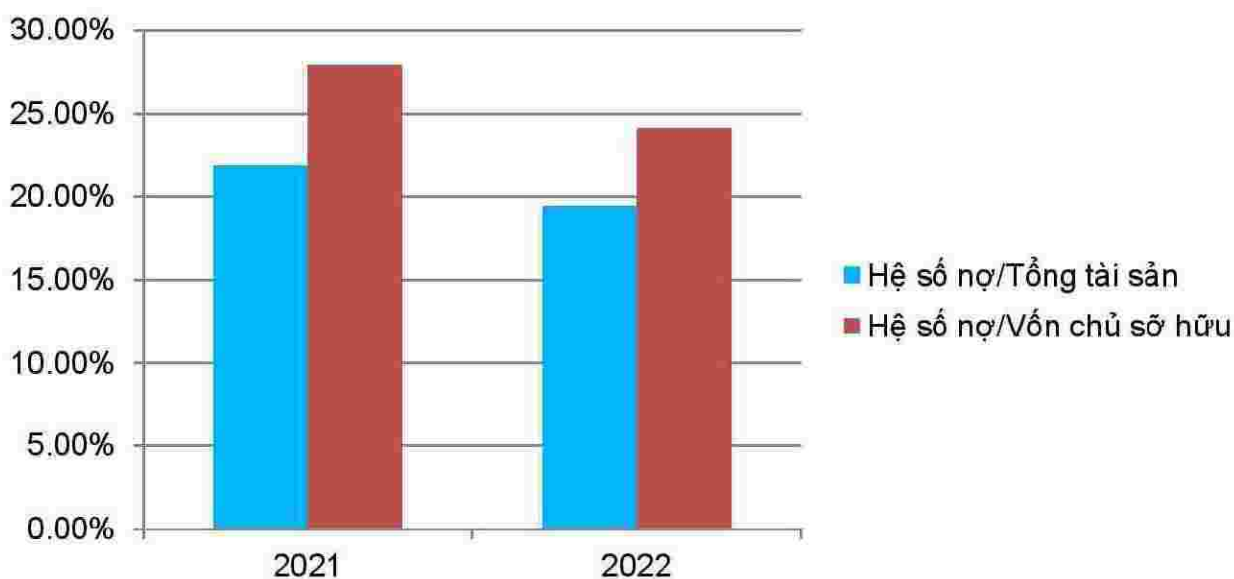


## ➤ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2022 của BEWACO có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Với việc không phát sinh thêm các khoản vay nợ tài chính mới trong kỳ, đồng thời tập trung thêm nguồn lực cho các mục tiêu đầu tư phát triển, Công ty đã giảm bớt được các khoản nợ phải trả. Cụ thể, tổng nợ phải trả giảm 14,43% (trung đương với 14,073 tỷ đồng); trong khi tổng tài sản giảm 1,55% (trung đương với 8,05 tỷ đồng). Từ đó khiến cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều

có xu hướng giảm so với năm 2021. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 21,83% xuống 19,43% (giảm 2,4%); hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 27,92% xuống 24,12% (giảm 3,80%).

Các chỉ số trên cùng với những chính sách chuyển đổi cấu trúc vốn bớt phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính, cho thấy Công ty đã phân bổ nguồn vốn một cách thận trọng, hợp lý, tăng cường mức độ an toàn, ổn định sức khỏe tài chính và tối ưu hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

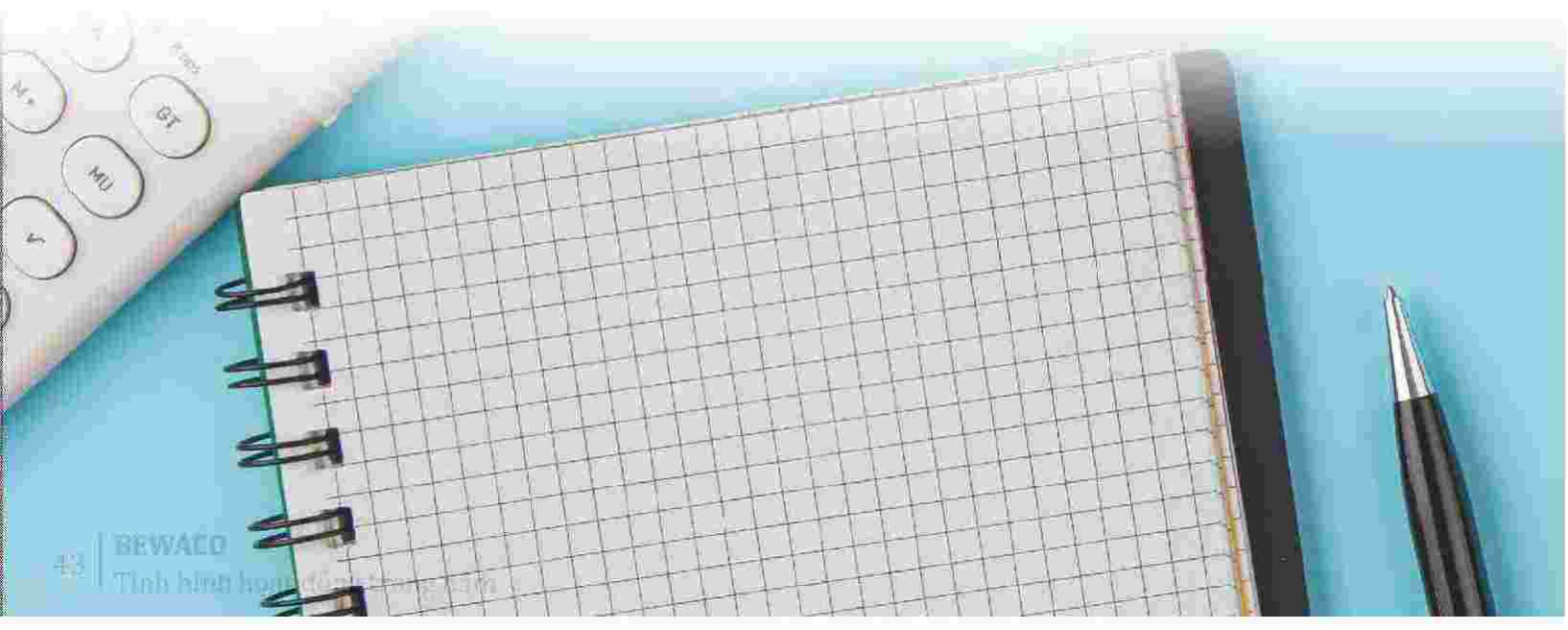
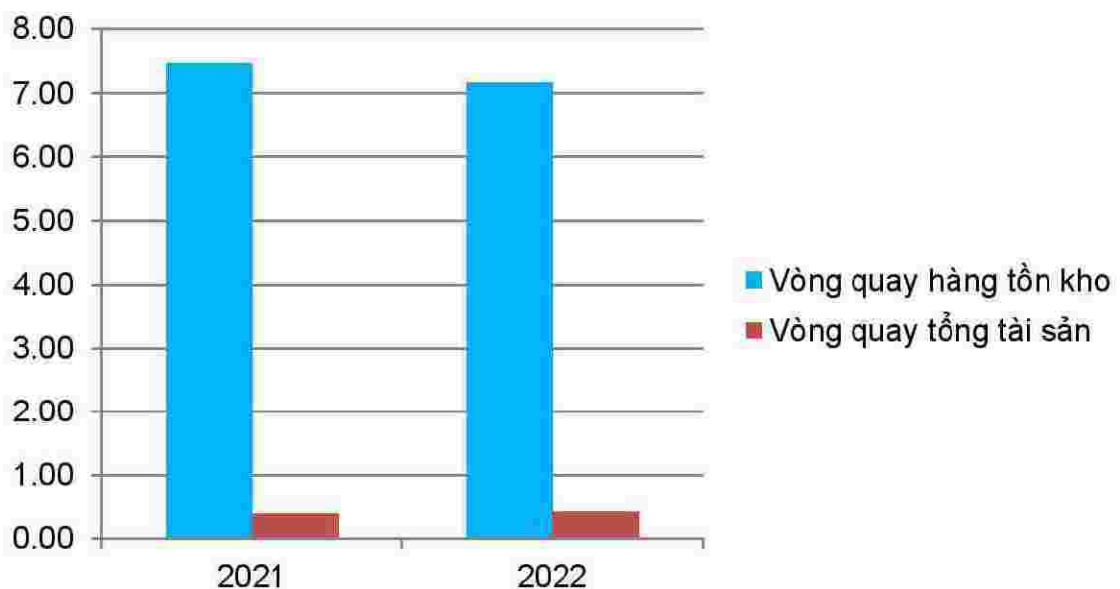


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)

#### ➤ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Số vòng quay hàng tồn kho giảm từ 7,46 vòng xuống 7,16 vòng. Mặc dù Công ty đã giảm lượng hàng tồn kho sau một năm tập trung dự trữ nguyên vật liệu, thiết bị cần thiết để phục vụ cho các mục tiêu mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch, nhưng với việc cải thiện trong giá vốn cung cấp nước sạch và giá vốn từ hoạt động thu phí bảo vệ môi trường đã làm cho tốc độ sụt giảm trong lượng hàng tồn kho bình quân thấp hơn tốc độ sụt giảm trong giá vốn hàng bán, dẫn đến biến động giảm trong hàng tồn kho. Vòng quay tổng tài sản tăng không đáng kể từ 0,4 vòng lên 0,42 vòng, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đang được cải thiện hơn năm trước.

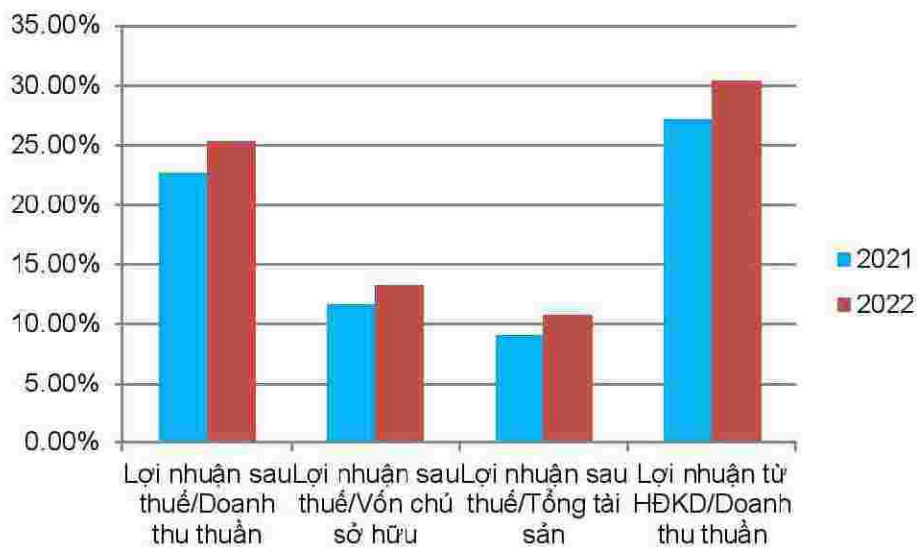




## ➤ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2022, các chỉ số về khả năng sinh lời đều chuyển biến tích cực so với cùng kỳ 2021. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần tăng, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân; hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần lần lượt tăng từ 22,68%, 11,56%, 9,03%, 27,14% trong năm 2021 lên mức 25,32%, 13,27%, 10,69% và 30,39% trong năm 2022 nhờ vào việc Công ty thực hiện tốt công tác sản xuất,

quản trị rủi ro, kiểm soát tốt các khoản chi phí phát sinh. Đồng thời, Công ty cũng đã tiếp tục triển khai thực hiện các dự án, các công trình cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước tăng lên của khách hàng và không ngừng cải tạo, nâng cấp các nhà máy, dây chuyền công nghệ xử lý nước góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây là động lực lớn để trong thời gian tới, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty sẽ gia tăng nhanh chóng.





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



### Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	29.400.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	29.400.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	:	Không có
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	:	Không có
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Không thay đổi



Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có



Các chứng khoán khác Không có



### Danh sách cổ đông lớn

Tính đến ngày 31/12/2022

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Ủy ban nhân dân Tỉnh Bến Tre	18.816.000	64,00%
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	4.410.000	17,38%
3	Công ty TNHH Hoàn Cầu	5.109.510	15,00%



## Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>350</b>	<b>29.264.400</b>	<b>99,54%</b>
1	Nhà nước	1	18.816.000	64,00%
2	Cá nhân	3	9.530.010	32,42%
3	Tổ chức	346	918.390	3,12%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>7</b>	<b>135.600</b>	<b>0,46%</b>
1	Cá nhân	1	49.200	0,167%
2	Tổ chức	6	86.400	0,294%
<b>Tổng cộng (I + II)</b>		<b>357</b>	<b>29.400.000</b>	<b>100,000%</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quy trình sản xuất, doanh nghiệp sử dụng các hóa chất thông thường như CLO, PAC,... theo đúng định mức đảm bảo quy định về an toàn và chất lượng của nước sau khi xử lý.

Công ty sử dụng các loại ống gang, nhựa HDPE và nhựa uPVC dẫn nước từ nguồn về nhà máy để xử lý và cung cấp nước ngọt đã qua xử lý đến khách hàng. Công ty cũng thường xuyên xuyên rà soát, kiểm tra trên toàn bộ các tuyến ống, các điểm đầu nối, thay thế các đường ống cũ thường xuyên bị rò rỉ để hạn chế các rủi ro gây thất thoát nước và đảm bảo chất lượng sản phẩm nước sạch cho khách hàng.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Thực hiện nghiêm túc những quy định về bảo vệ và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên nước.



## Tiêu thụ năng lượng

• Điện là nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong suốt quy trình khai thác, xử lý và dẫn nguồn nước đến người tiêu dùng. Hoạt động của các nhà máy nước tiêu thụ điện năng rất lớn nên chi phí điện đang chiếm một tỷ trọng trong đối lớn cấu thành nên giá thành nước máy. Bên cạnh đó, Công ty còn dùng dầu diesel để chạy máy phát điện trong trường hợp các nhà máy nước bị mất điện cũng phần nào làm tăng cao chi phí của Công ty. Để khắc phục vấn đề này, Công ty đã đưa ra hướng vi chế độ bơm, khung giờ bơm nước để sử dụng hợp lý năng lượng điện, bằng các biện pháp:



- » Vận động toàn thể cán bộ công nhân viên nâng cao ý thức và thực hành tiết kiệm điện trong sản xuất, làm việc và sinh hoạt. tại văn phòng.
- » Tập trung nghiên cứu, đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ để thay thế điện năng bằng các nguồn năng lượng tái tạo khác, qua đó vừa giúp giảm thiểu chi phí vừa góp phần bảo môi trường.
- » Điều chỉnh thời gian vận hành của hệ thống nhà máy và các thiết bị xử lý nước, tránh hiện tượng quá tải điện năng vào các giờ cao điểm; Vận hành máy bơm nước và hệ thống xử lý nước vào giờ thấp điểm có giá điện thấp để dự trữ nước tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa. Hạn chế vận hành các trạm bơm cấp 1 vào giờ cao điểm, giúp tiết kiệm được phần lớn chi phí do có giá điện cao.
- » Sử dụng biến tần cho các máy bơm thuộc trạm bơm cấp II. Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện cũ hiệu suất giảm trong các Nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.





## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bên cạnh việc đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng luôn đạt các tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng, Công ty cũng luôn ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện nghiêm chỉnh các hoạt động khai thác, xả thải theo đúng quy định. Ngoài ra, không ngừng tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty về bảo vệ môi trường, xây dựng một xã hội xanh – sạch – đẹp.

Phối hợp với các cơ quan và địa phương trong việc bảo vệ nguồn nước, lưu vực trữ nước. Tuyên truyền đến người dân không xả thải các chất thải trực tiếp xuống nguồn nước, lưu vực trữ nước.



## Nguồn nước thô sản xuất

Nguồn nước sử dụng làm nguyên liệu đầu vào, cung cấp cho toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu lấy từ sông Hàm Luông, sông Ba Lai và sông Tiền. Nước sạch do Công ty sản xuất phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ và các cơ quan hành chính sự nghiệp trong vùng phục vụ quy định, nước sinh hoạt chiếm khoảng 68% tổng sản lượng tiêu thụ. Trước các vấn đề liên quan đến hạn hán, xâm nhập mặn và xói lở đất bờ sông tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, kèm theo việc sông hồ đang ngày càng bị ô nhiễm do rác thải sinh hoạt và từ các nhà máy đã tạo ra áp lực không nhỏ lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, BEWACO luôn chủ trương khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp lý, tránh lãng phí, đồng thời chuẩn bị các phương án để hạn chế rủi ro và tái tạo nguồn tài nguyên nước.







# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)



## Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn định hướng rõ ràng doanh nghiệp không thể hoạt động và phát triển bền vững nếu không có yếu tố con người. Toàn thể cán bộ công nhân viên phải là những người có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao và luôn đoàn kết hợp tác làm việc thì mới tạo nên được sự thành công của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm ở một số vị trí quan trọng luôn được Công ty chú trọng.

Bên cạnh đó, BEWACO cũng thường xuyên theo dõi, đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên, để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo xây dựng một đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao.

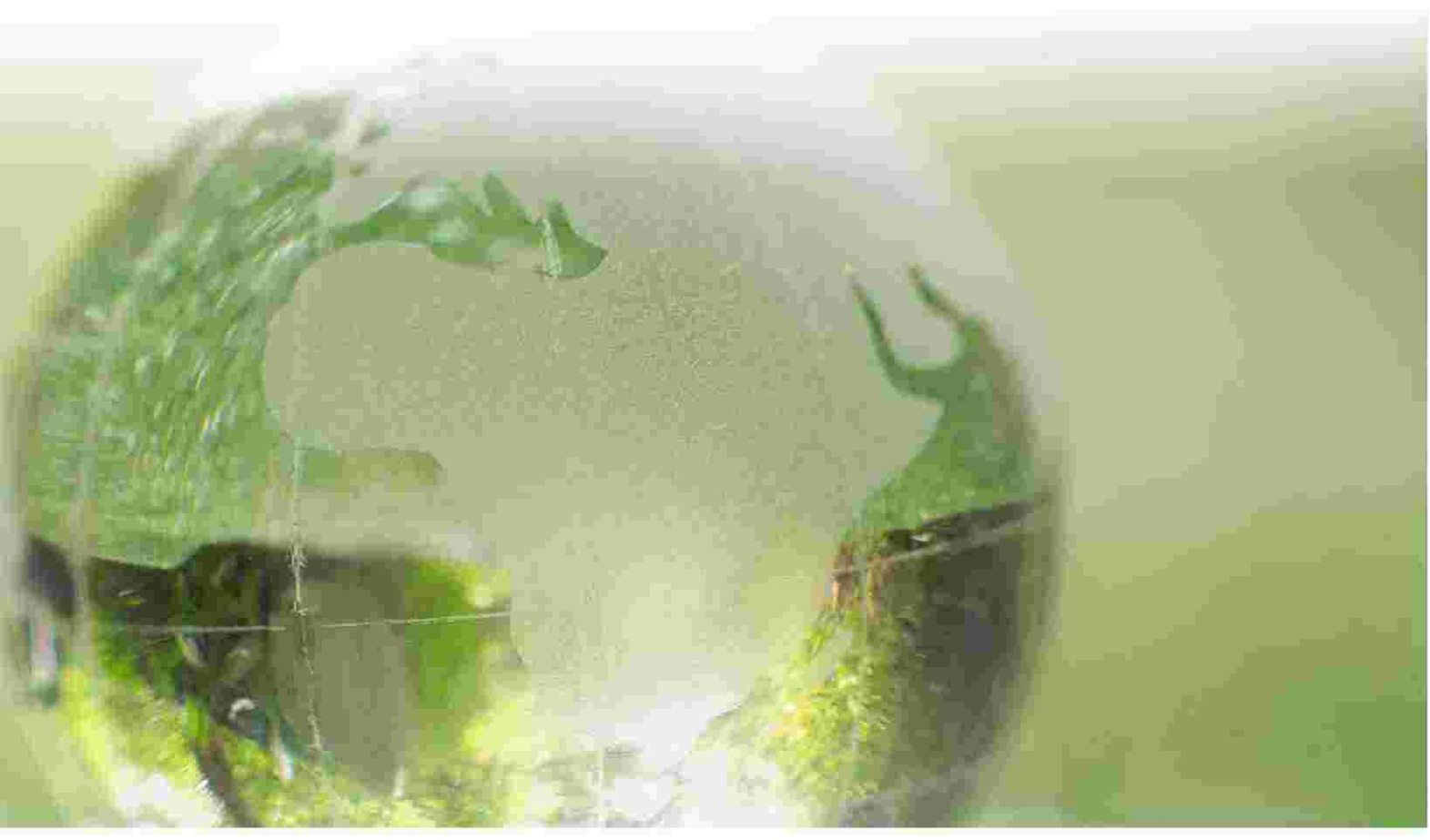
Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực. Các cán bộ công nhân viên được tham gia nhiều khóa đào tạo nội bộ và tại các cơ sở đào tạo chất lượng bên ngoài để nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hợp tác cùng tiến bộ, từ đó làm cơ sở để xây dựng nên đội ngũ nhân viên có chất lượng cao.

Luôn trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết và tạo điều kiện làm việc để người lao động có thể tự do sáng tạo, phát huy hết khả năng của bản thân. Đề ra các quy định, chính sách lương thưởng cụ thể, minh bạch và đảm bảo tính công bằng cho tất cả cán bộ, nhân viên.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Với chủ trương ban đầu là không vì lợi ích kinh tế của Công ty mà bỏ qua đi lợi ích của cộng đồng, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ, thông qua các hoạt động xã hội, tình nguyện. Đồng thời xem xét tính khả thi và hiệu quả đầu tư các dự án để mang nguồn nước sạch đến phục vụ cho người dân, nâng cao tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch, góp phần cùng các cơ quan chức năng cải thiện môi trường, nâng cao mức sống của người dân.



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả  
hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về  
cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với  
ý kiến kiểm toán





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

### Thuận lợi

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được thụ hưởng nhiều sự quan tâm, hỗ trợ và chính sách từ phía các cơ quan chức năng của Nhà nước, cũng như ban lãnh đạo của tỉnh và các sở, ban ngành khác của tỉnh Bến Tre. Chủ trương khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch đã giúp cho BEWACO có được tiền đề để duy trì và tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau quá trình hơn 30 năm, hoạt động kinh doanh của BEWACO, Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu trong các hoạt động cấp nước như: xây dựng được hệ thống, quy trình sản xuất và cung ứng nước sạch, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý. Đồng thời, trong thời gian qua Công ty cũng nhận được sự tin tưởng tuyệt đối từ các cổ đông cũng như tạo được hình ảnh uy tín đối với người tiêu dùng. Điều này làm cơ sở vững chắc cho các chiến lược tăng trưởng, tạo ra giá trị cho cổ đông, người lao động và cho xã hội.

Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những mặt hàng thiết yếu đối với người tiêu dùng, nên nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao. Nhờ vào hướng phát triển chú trọng vào đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị hiện đại, BEWACO đã xây dựng hệ thống xử lý và cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của khách hàng.

Bên cạnh đó, BEWACO cũng đã xây dựng được bộ máy quản lý có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có tâm huyết và trách nhiệm trong công việc, cùng với đội ngũ công nhân viên chuyên nghiệp. Với sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty góp phần không nhỏ vào sự thành công trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.



## Khó khăn

Cơ sở hạ tầng các công trình cấp nước được cải tạo, đầu tư qua nhiều giai đoạn nên nhiều công trình xuống cấp chưa được cải tạo, thay thế nhất là mạng đường ống chuyển tải, phân phối vượt quá niên hạn sử dụng đã cũ, mục gây rò rỉ thất thoát nước trở thành áp lực cho Công ty trong việc cân đối nguồn vốn để thay thế và kiểm soát nước thất thoát. Sự hạn chế trong nguồn vốn đầu tư đã dẫn đến một số khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống cấp nước hàng năm.

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành cấp nước thuộc dịch vụ công ích nên giá nước sẽ do Nhà nước quyết định. Vì thế mà giá nước chỉ ổn định tương đối và được điều chỉnh trong từng giai đoạn nhất định. Việc điều chỉnh giá bán nước thường cần nhiều thời gian từ giai đoạn lập, trình các cấp có thẩm quyền, thẩm định đến

giai đoạn phê duyệt, làm giảm đi tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch nhất là trong tình hình xâm nhập mặn thường xuyên như hiện nay.

Những sự biến động trong giá nguyên vật liệu đầu vào, biến đổi khí hậu, tình hình xâm nhập mặn hay ô nhiễm nguồn nước cũng tạo ra khó khăn không nhỏ đối với lãnh đạo doanh nghiệp trong việc đưa ra các chính sách, chiến lược điều hành, khắc phục và giải quyết các vấn đề này.

Việc đầu tư chính trang, nâng cấp đô thị, đường giao thông làm ảnh hưởng rất lớn đến việc phải di dời hệ thống cấp nước, đơn vị thi công hạ tầng giao thông gây sự cố kỹ thuật bẻ vỡ ống thường xuyên dẫn đến tỷ lệ thất thoát nước khó kiểm soát được.



## Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước, quản lý, kiểm soát tốt được chất lượng nước; sử dụng các thiết bị theo dõi lưu lượng, áp lực (data logger) vào trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước; bằng nhiều giải pháp đã góp phần nâng cao được hiệu quả trong công tác phòng chống thất thoát nước, phát hiện và kịp thời sửa chữa, thay thế các đường ống khi có sự cố.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, làm giảm được tỷ lệ tồn thu của Công ty.
- Tăng cường hiệu quả công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo tình hình tài chính và mức độ hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp. Đồng thời, chủ động đưa ra một số đề xuất, phối hợp các ban ngành có liên quan, thực hiện một số phương án, công trình chống nhập mặn, hạn chế ô nhiễm nguồn nước.
- Ngoài ra, Công ty đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, sắp xếp lại nhân sự trong tổ chức bộ máy, thực hiện phân quyền, phân cấp để các đơn vị trong Công ty có thể chủ động trong điều hành sản xuất.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



## Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	81.453	15,71%	51.541	10,10%	(29.912)	63,28%
Tài sản dài hạn	437.066	84,30%	458.927	89,90%	21.861	105,00%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>518.518</b>	<b>100,00%</b>	<b>510.468</b>	<b>100,00%</b>	<b>(8.050)</b>	<b>98,45%</b>

Tính đến thời điểm cuối năm 2022, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận là 510,47 tỷ đồng, giảm khoản 8,05 tỷ đồng đồng so với năm 2021. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty vào ngày 31/12/2022 không có sự thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước, tài sản dài hạn vẫn giữ tỷ trọng chủ yếu. Trong đó, tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt chiếm 10,10% và 89,90% tổng tài sản. Cơ cấu của từng nhóm tài sản cụ thể như sau





### Tài sản ngắn hạn (Tại ngày 31/12/2022)

Các khoản trong đương tiền, khoản phải thu và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

- Tài sản ngắn hạn giảm 35,71% (tương ứng giảm 29,91 tỷ đồng) chủ yếu đến do khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền trong năm giảm 51,76% tương đương 38 tỷ đồng trong đó các khoản tương đương tiền giảm hơn 24 tỷ đồng, giảm 48,74% so với năm trước chủ yếu đến từ việc giảm hơn 13,8 tỷ đồng các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại NH TMCP Công thương Việt Nam, NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng TMCP Nam Á cũng phần nào ảnh hưởng lên tài sản ngắn hạn và các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của BEWACO.

- Tại thời điểm cuối năm, khoản phải thu của Công ty đạt 15,051 tỷ đồng, giảm 14,55% so với năm 2021 do Công ty thu hồi các khoản thu ngắn hạn khách hàng từ các hộ dân, Sở Tài chính – Vốn phí BVMT, Công ty CP khai thác xây dựng Vận tải Phương Nam,..
- Hàng tồn kho đạt gần 9,95 tỷ đồng, giảm 13,81% với năm 2021, do hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước nên hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là thiết bị, vật liệu như ống nước, thùy lượng kế... Theo đó, do hoạt động cấp nước phục hồi trở lại sau đại dịch kéo theo nhu cầu về các thiết bị tăng cao dẫn đến hàng tồn kho giảm so với cùng kỳ.

### Tài sản dài hạn (Tại ngày 31/12/2022)

Nhìn chung, tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 đạt 458,93 tỷ đồng, tương đương với mức tăng nhẹ khoảng 6,64% so với năm 2021. Tại thời điểm cuối năm 2022, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất khi đóng góp hơn 89,9% tổng tài sản của Công ty tăng tương ứng 21,861 tỷ đồng so với cuối năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng này là do Công ty đã thực hiện đầu tư, mua sắm các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)



### Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	45.191	40,00%	52.486	51,92%	7.295	116,15%
Nợ dài hạn	68.067	60,00%	46.699	48,08%	(21.368)	68,61%
<b>Tổng nợ</b>	<b>113.258</b>	<b>100%</b>	<b>99.185</b>	<b>100,00%</b>	<b>(14.073)</b>	<b>87,57%</b>

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 đạt khoản 99 tỷ đồng, giảm 12,43% so với năm 2021. Cơ cấu nợ phải trả của BEWACO có sự thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Nợ ngắn hạn ghi nhận hơn 50 tỷ đồng, tăng 16,15%, do đến thời điểm cuối năm 2022, nợ ngắn hạn đã chiếm tỷ trọng lớn hơn với tỷ lệ 51,92% trong tổng nợ phải trả. Nợ dài hạn vào ngày 31/12/2022 giảm mạnh 31,39% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu là giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn từ việc chi trả khoản vay bằng vốn ODA từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Khu vực Sông Tiền và khoản vay bằng dự án đầu tư từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Nợ ngắn hạn tăng 11,13% (trung ứng tăng 5,0 tỷ đồng), nguyên nhân đến từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác của Công ty trong năm tăng 313,49%, cụ thể là do phát sinh khoản cổ tức đợt 1 năm 2022 lên đến gần 9,5 tỷ cùng với khoản vay dài hạn đến hạn phải trả gần 18,5 tỷ.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đẩy mạnh công tác cải tiến thủ tục hành chính, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện nhiều biện pháp phòng chống thất thoát nước bằng cách phân vùng, tách mạng, lắp đặt các data logger theo dõi vùng, rà soát lại các hệ thống tuyến ống cung cấp nước, thay thế, sửa chữa những đường ống đã cũ, vỡ hay có nguy cơ rò rỉ, ...
- Tiến hành rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển (một người biết làm nhiều việc, nhiều vị trí sản xuất), sắp xếp lại nhân sự theo hướng chuyên môn hóa nhằm cải thiện hiệu quả và năng lực của các phòng ban, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác phối hợp để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.
- Chế độ lương, thưởng và các chế độ khác,... cho người lao động trong Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được ban quản lý và chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu và thực hiện theo đúng quy định của nhà nước; đảm bảo minh bạch và công bằng cho cơ chế lương thưởng của Công ty, để trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, góp phần nâng cao tinh thần và động lực cho người lao động, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.
- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.





# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	% KH 2023/ TH 2022
Sản lượng nước sản xuất	m <sup>3</sup>	27.432.800	25.850.000	84,23%
Sản lượng nước ghi thu	m <sup>3</sup>	20.499.306	20.680.000	100,88%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	25,27	20,00	79,15%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	217.311	218.000	100,32%
Tổng chi phí	Triệu đồng	151.509	166.000	109,56%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.802	52.000	79,02%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	54.566	43.000	78,80%



## Biện pháp triển khai thực hiện

### Về tài chính

- Tập trung phát triển tiềm lực tài chính mạnh, thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cung cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, từ đó gia tăng số lượng khách hàng sử dụng.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư theo nhu cầu của thị trường, lấy nguồn thu để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

### Về nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và nguồn lao động, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận. Tập trung đào tạo về lý luận chính trị và chuyên môn chuyên ngành cấp nước, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng cán bộ trẻ có năng lực.
- Tiếp tục củng cố sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành và người lao động theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý có chuyên môn giỏi, đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.



## Về quản lý sản xuất

- Đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế QCVN 01-1:2018/BYT ngày 14/12/2018.
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật Tài nguyên nước.
- Tăng cường các biện pháp kỹ thuật trên hệ thống bơm, xử lý, hệ thống đường ống cấp nước.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức, trách nhiệm năng lực của cán bộ nhân viên.
- Mở rộng thị trường, gia tăng khách hàng bằng cách nghiên cứu các thị trường tiềm năng, mở rộng mạng lưới đến các khu vực chưa có nước máy.
- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước theo chương trình quản lý khách hàng mới, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.
- Tiếp tục thực hiện đề án không thu tiền nước bằng tiền mặt tại nhà khách hàng, mở rộng liên kết thu qua tài khoản ngân hàng, các app, điểm thu hộ...

## Về nguồn nhân lực

- Ra soát, tăng cường triển khai các biện pháp để giảm tỷ lệ thất thoát nước. Thực hiện phân vùng, tách mạng để phục vụ cho công tác chống thất thoát nước. Tăng cường, kiểm tra thường xuyên hệ thống đường ống, đồng hồ nước; thực hiện kiểm định, lựa chọn các loại đồng hồ, vật tư đạt tiêu chuẩn cao; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.
- Các phòng ban trong Công ty phối hợp với các đơn vị sản xuất tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, tìm ra các phương án phù hợp với hiện trạng cấp nước từng khu vực đang quản lý để giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Công ty phối hợp cùng với địa phương tổ chức các chương trình phổ biến thông tin cho người dân về vấn đề phòng chống thất thoát nước.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác sửa chữa, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt  
hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt  
động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch,  
định hướng của Hội đồng quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre vẫn đối mặt với những thách thức về diễn biến phức tạp của tình trạng xâm nhập mặn cao và thiếu nước ngọt. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực của các cấp quản lý và toàn thể công nhân viên, Công ty đã hạn chế và khắc phục được những khó khăn, từ đó đạt được lợi nhuận sau thuế tăng 29,38% so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

Điều này cho thấy được hiệu quả hoạt động của BEWACO vẫn được duy trì tích cực và các kế hoạch được giao theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông đã được hoàn thành tốt.

Ngoài ra, Công ty cũng đã kiểm soát khá tốt các chi phí cố định như khấu hao, bán hàng và quản lý doanh nghiệp, đồng thời đạt được tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm, năng lực phục vụ và dịch vụ khách hàng. Trong quá trình hoạt động của công ty, việc đảm bảo tính rõ ràng đầy đủ, chính xác của các khoản doanh thu và chi phí cũng được Công ty chú trọng. Điều này không chỉ giúp tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh mà còn đảm bảo sự chuyên nghiệp và minh bạch trong hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã chăm lo cho người lao động, góp phần giữ vững tiến độ và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra trong năm 2022. Tất cả những thành tựu này cho thấy sự nỗ lực và cam kết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trong việc đối phó với những thách thức và phát triển bền vững trong lĩnh vực cấp thoát nước. Công ty đã chứng tỏ được vai trò quan trọng của mình trong việc cung cấp nguồn nước sạch và bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban do Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo định kỳ hàng tháng, qua đó có ý kiến về những đánh giá kết quả việc thực hiện các công việc có liên quan trong các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong kỳ và ý kiến chỉ đạo, bổ sung vào chương trình công tác tiếp theo của Ban Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị điều hành thực hiện giám sát thường xuyên quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, đáp ứng được các vấn đề về hoạt động sản xuất - kinh doanh và tài chính.







## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Công ty đặt mục tiêu phát triển ổn định, bền vững và mở rộng quy mô về sản lượng và mạng lưới cấp nước bằng việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các cấp quản lý, các phòng ban và toàn thể người lao động, tạo thành một khối đoàn kết, quyết tâm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời tạo tiền đề phát triển cho các năm sau.



Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty sẽ sắp xếp lại tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng ban, chi nhánh trực thuộc để tăng cường chức năng tham mưu, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và quy mô phát triển của Công ty.



Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty thực hiện bồi dưỡng và đánh giá năng lực chuyên môn của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty và bổ sung lực lượng kế cận cho công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.



Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tăng cường phát triển chất lượng dịch vụ khách hàng và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý khách hàng để đáp ứng nhu cầu và nâng cao sự hài lòng của khách hàng.



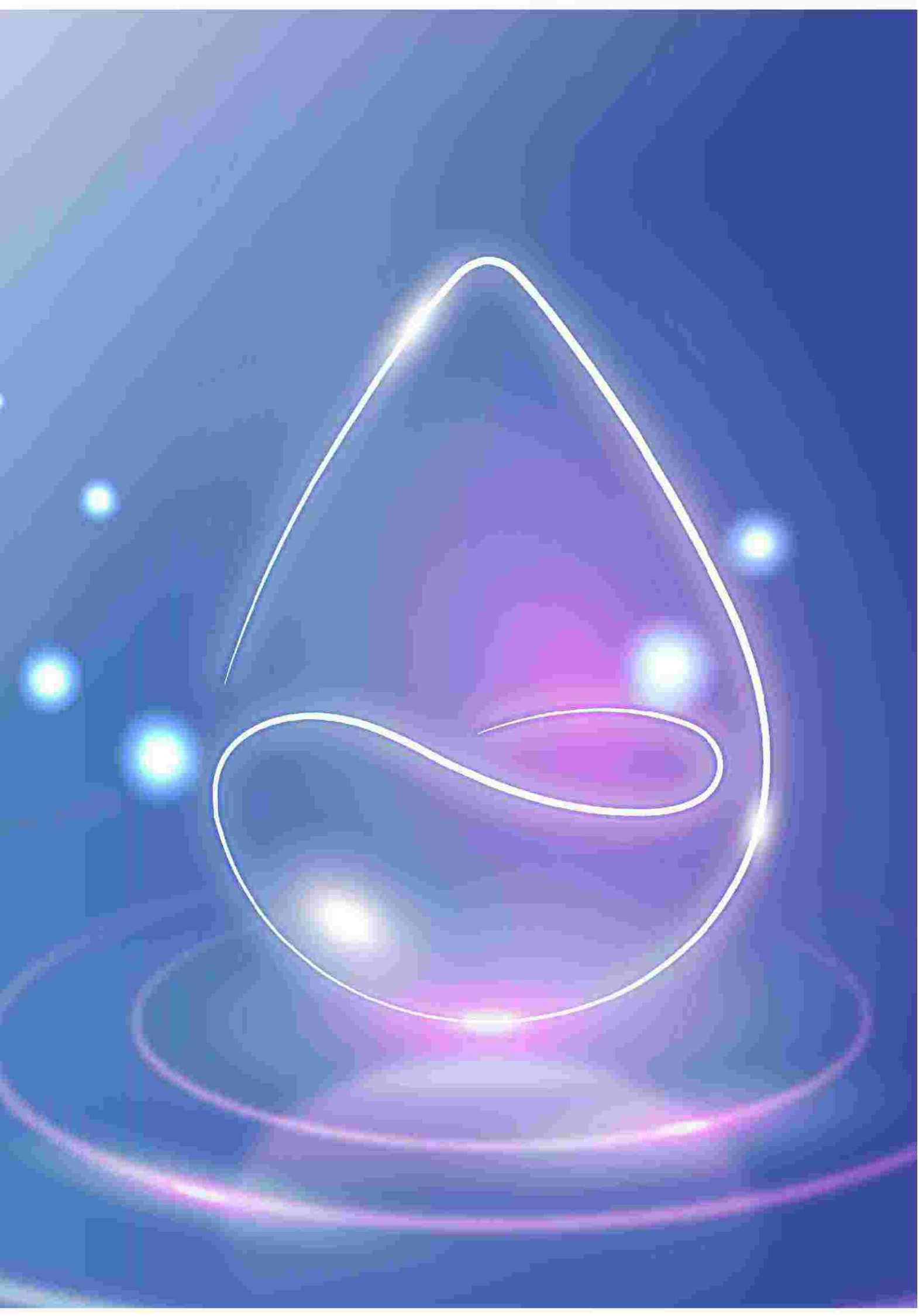


# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc







## Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2022

Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Bà Nguyễn Thị Diễm Phương	Chủ tịch HĐQT	14.994.000	51,00%	37.590	0,128%
Ông Trần Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.822.000	13,00%	7.770	0,026%
Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	-	-	6.300	0,021%
Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	4.410.000	15,00%	-	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên HĐQT	5.109.510	17,38%	-	-
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.365	0,005%





## Lý lịch Hội đồng quản trị

### **BÀ NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Ngày sinh** : 24/04/1967

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ** : Số 39, tổ 7 ấp Bình Thành, Xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư đô thị.

**Quá trình công tác** :

<b>Thời gian</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
09/1990-08/2002	Cán bộ kỹ thuật Công ty cấp thoát nước Bến Tre.
08/2002- 11/2008	Phó Giám đốc, Giám đốc Nhà máy nước Sơn Đông, Hữu Định - Công ty Cấp thoát nước Ben Tre.
11/2008-11/2015	Phó Giám đốc — Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.
11/2015-12/2008	Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.
12/2008 - đến nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- Đại diện sở hữu: 14.994.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ, đại diện cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre.
- Sở hữu cá nhân: 37.590 cổ phần, tương đương 0,128% vốn điều lệ.



## BÀ NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh : 22/10/1971

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : Số 45/34D Nguyễn Hồng, phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
2014 - nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Anh Quốc Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Anh Quốc Sài Gòn

- Đại diện sở hữu: 5.109.510 cổ phần, chiếm 17,38% vốn điều lệ, đại diện cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

**Ông Trần Hùng, Ông Trần Thanh Bình, Ông Phan Thanh Bình:** vui lòng xem tại phần Lý lịch Ban điều hành.



### Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Diễm Phương	Chủ tịch HĐQT	-	01/03/2023
Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	01/03/2023	-



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



### Hoạt động của Hội đồng quản trị



#### Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật.
- Bằng nhiều hình thức, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất để thực hiện chức năng giám sát và định hướng hoạt động của Công ty theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm đã đề ra.
- Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, tích cực góp ý cho kế hoạch hoạt động của Công ty, góp ý cho công tác điều hành của Tổng giám đốc, bàn bạc thống nhất và cho ý kiến đối với những đề xuất của Ban Điều hành để mọi hoạt động sản xuất kinh doanh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.
- Mỗi thành viên đều thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị tích cực tham gia các cuộc họp giao ban công ty để dễ dàng nắm bắt tình hình hoạt động, theo dõi tình hình tài chính, hoạt động đầu tư phát triển,... chỉ đạo kịp thời để công ty hoạt động đảm bảo an toàn về tài chính, phát triển nguồn vốn, đạt hiệu quả cao trong hoạt động đầu tư. Có 3 thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc và phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật nên tạo điều kiện thuận lợi trong công tác phối hợp điều hành cùng với Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định.



#### Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Bà Nguyễn Thị Diễm Phương	Chủ tịch HĐQT	8	100%	-
Ông Trần Hùng	Thành viên HĐQT	8	100%	-
Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	8	100%	-
Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	8	100%	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên HĐQT	5	62,50%	Đi công tác
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	1	100%	-

➤ **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Không có

➤ **Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

Không có

**Số Nghị quyết của Hội đồng quản trị**

Số nghị quyết/ quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
<b>Nghị quyết</b>		
Số 17/NQ-HĐQT	31/3/2022	Về việc gia hạn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Số 18/NQ-HĐQT	31/3/2022	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Số 19/NQ-HĐQT	10/5/2022	Về việc thông qua các nội dung trong tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2022
Số 21/NQ-HĐQT	27/6/2022	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022
Số 22/NQ-HĐQT	27/6/2022	Về việc thông qua kế hoạch Lao động - Tiền lương của Công ty năm 2022
Số 23/NQ-HĐQT	27/6/2022	Về việc thanh lý vật tư, tài sản năm 2022
Số 24/NQ-HĐQT	20/8/2022	Về việc thông qua bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022
Số 25/NQ-HĐQT	25/8/2022	Về việc thông qua chủ trương vay vốn ngân hàng
Số 26/NQ-HĐQT	25/10/2022	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022
Số 27/NQ-HĐQT	28/1/2022	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022
Số 31/NQ-HĐQT	28/12/2022	Về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trần Hùng
Số 32/NQ-HĐQT	28/12/2022	Về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trần Thanh Bình
Số 33/NQ-HĐQT	28/12/2022	Về việc bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Trần Hùng
Số 34/NQ-HĐQT	28/12/2022	Về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trần Thanh Bình

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
1	1A/QĐ-HĐQT	04/01/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 2/2021; Hạng mục: Cấp nước cụm khu công nghiệp Phong Năm và vùng lân cận
2	01/QĐ-HĐQT	04/01/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán; Công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm; Hạng mục: Ống cấp nước các loại
3	02/QĐ-HĐQT	07/01/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa
4	03/QĐ-HĐQT	10/01/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: lắp đặt bơm gió tram cấp nước Chợ Lách
5	04/QĐ-HĐQT	11/01/2022	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT gói thầu: Giám sát thi công gói thầu số 2. Dự án tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
6	5/QĐ-HĐQT	12/01/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Bể chứa nước sạch 1000m <sup>3</sup> trạm tăng áp Hàm Luông - Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cây
7	06/QĐ-HĐQT	13/01/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2021
8	7/QĐ-HĐQT	13/01/2022	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 2/2021); Hạng mục: Ống nhánh HDPE D63 khu vực thị trấn Giồng Trôm và trụ cứu hỏa
9	08/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu LJa 2 (phường 6)
10	09/QĐ-HĐQT	14/01/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 5/2021. Hạng mục ống nhánh HDPE D63
11	10/QĐ-HĐQT	15/01/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 2/2021). Hạng mục ống nhánh HDPE D63 khu vực thị trấn Giồng Trôm và trụ cứu hỏa
12	11/QĐ-HĐQT	17/01/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán Công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 2/2021. Hạng mục: Ống cấp nước các loại
13	12/QĐ-HĐQT	18/01/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp van gang các loại phục vụ công trình Nhà máy nước Hữu Định năm 2019



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
14	13/QĐ-HĐQT	19/01/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2021
15	14/QĐ-HĐQT	20/01/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: đường dây trung thế 22KV và Trạm 400kVA - xã Sơn Định, Chợ Lách
16	15/QĐ-HĐQT	21/01/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp 400kVA - xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm
17	16/QĐ-HĐQT	21/01/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 5/2021; hạng mục: Ống nhánh HDPE D63
18	17/QĐ-HĐQT	21/01/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp van gang các loại phục vụ công trình Nhà máy nước Hữu Định năm 2019
19	18/QĐ-HĐQT	21/01/2022	Quyết định v/v gia hạn thời điểm đóng thầu Gói thầu: Thi công gói thầu số 2 Dự án: Tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
20	19/QĐ-HĐQT	21/01/2022	Quyết định phê duyệt hủy thầu gói thầu xây dựng cụm xử lý 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm. Công trình cụm xử lý 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm - CNCN Phú Tân
21	20/QĐ-HĐQT	24/01/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 6 (Phường 8)
22	21/QĐ-HĐQT	26/01/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 5/2021. Hạng mục ống nhánh HDPE D63
23	22/QĐ-HĐQT	07/02/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: sửa chữa bể lọc số 1 - cụm bể lọc thép 3.600 m <sup>3</sup> /ngày đêm
24	23/QĐ-HĐQT	07/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp ống cấp nước các loại phục vụ công trình mạng lưới cấp nước TP. Bến Tre - đợt 1/2021
25	24A/QĐ-HĐQT	07/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa Nhà làm việc chi nhánh Phú Tân
26	24/QĐ-HĐQT	07/02/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình tuyến ống cấp nước dọc lộ cầu Nhà Việç. Hạng mục ống cấp nước uPVC D168
27	25/QĐ-HĐQT	10/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 2/2021





## Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
28	26/QĐ-HĐQT	10/02/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: đường dây trung thế 22KV và Trạm 400kVA - xã Sơn Đĩnh, Chợ Lách
29	27/QĐ-HĐQT	11/02/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: đường dây trung thế 22KV và trạm biến áp 400kVA - xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm
30	28/QĐ-HĐQT	14/02/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 5/2021; hạng mục: Ống nhánh HDPE D63
31	29/QĐ-HĐQT	14/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Chi nhánh cấp nước Mỏ Cây năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
32	30/QĐ-HĐQT	15/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống cấp nước dọc lộ cầu Nhà Việc. Hạng mục ống cấp nước uPVC D168
33	31/QĐ-HĐQT	15/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán sửa chữa máy bơm chìm 250kW cho Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
34	32/QĐ-HĐQT	16/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước Mỏ Cây Bắc - đợt 1/2021. Hạng mục ống nhánh cấp nước các loại
35	33/QĐ-HĐQT	16/02/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1. Hạng mục ống HDPE D125 và D63
36	34/QĐ-HĐQT	16/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa
37	35/QĐ-HĐQT	17/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 2/2021)
38	36/QĐ-HĐQT	17/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp phần xây dựng và phần công nghệ. Công trình: tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ NMN Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành
39	37A/QĐ-HĐQT	18/02/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công gói thầu dịch vụ tư vấn: giám sát thi công. Công trình mạng lưới cấp nước Mỏ Cây Bắc - đợt 1/2021
40	37/QĐ-HĐQT	18/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình mạng lưới cấp nước TP. Bến Tre đợt 1/2021

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
41	38/QĐ-HĐQT	18/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống uPVC D114 phục vụ công trình mạng lưới cấp nước TP. Bến Tre đợt 1/2021
42	39/QĐ-HĐQT	19/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa máy bơm chìm 250kW cho Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
43	40/QĐ-HĐQT	21/02/2022	Quyết định phê duyệt hủy thầu gói thầu: Thi công gói Số 2; Dự án: Tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
44	41/QĐ-HĐQT	22/02/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kỹ thuật Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Nam năm 2021; hạng mục: Ống nhánh cấp nước các loại
45	41A/QĐ-HĐQT	22/02/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình: lắp thêm máy bơm - Trạm bơm tăng áp Hàm Luông xã Bình Phú, TP. Bến Tre
46	42/QĐ-HĐQT	23/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 2 (phường 6). Hạng mục ống cấp nước các loại
47	43/QĐ-HĐQT	23/02/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 2/2021). Hạng mục ống nhánh HDPE D63 khu vực thị trấn Giồng Trôm và trụ cứu hỏa
48	44/QĐ-HĐQT	23/02/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công Công trình: Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ NMN Sơn Đông đến Ngã Tư Tân Thành
49	45/QĐ-CTN	24/02/2022	Quyết định v/v chấm dứt Hợp đồng lao động của Ông Nguyễn Hữu Thoại
50	46/QĐ-CTN	24/02/2022	Quyết định v/v chấm dứt hợp đồng lao động với Ông Võ Hoàng Bảo
51	47/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu sửa chữa máy bơm chìm 250kW cho trạm bơm nước thô Cái Cỏ
52	48/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công Công trình: Ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 2 (P.6)
53	49/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 6 (phường 8). Hạng mục ống cấp nước các loại
54	50/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 3/2021. Hạng mục ống cấp nước các loại

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
55	51/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu tư vấn mời thầu Gói thầu: Tư vấn mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp. Công trình: Tuyển ống cấp nước dọc lộ Cầu Nhà Việc
56	52/QĐ-HĐQT	24/02/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công Dự toán Công trình: Sửa chữa bể lọc số 1 - cụm bể lọc thép 3.600m <sup>3</sup> /ngày đêm; Địa điểm: xã Sơn Đông - Tp.Bến Tre
57	53/QĐ-CTN	25/02/2022	Quyết định v/v chấm dứt hợp đồng lao động với Bà Hồ Thị Bích Hà
58	54/QĐ-HĐQT	25/02/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu công trình: Chi nhánh cấp nước Mỏ Cây năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000 m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
59	55/QĐ-HĐQT	26/02/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1. Hạng mục ống HDPE D125 và D63
60	56A/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán - lần 2 công trình: mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 2/2021
61	56/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu giám sát thi công gói thầu số 2. Dự án tuyển ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
62	57/QĐ-CTN	01/03/2022	Quyết định về việc điều chuyển Tổ cơ khí thuộc Xi nghiệp Xây Lắp về trực thuộc Đội Quản lý mạng và sửa chữa
63	58/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn có giá trị dưới 0,5 tỷ; gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa có giá trị dưới 5 tỷ đồng
64	59/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với dự án Tuyển ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
65	60/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với công trình Cụm xử lý 5000 m <sup>3</sup> / ngày đêm Chi nhánh cấp nước Phú Tân
66	61/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình tuyển ống cấp nước dọc lộ cầu Nhà Việc. Hạng mục ống cấp nước uPVC D168
67	61A/QĐ-HĐQT	01/03/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 2/2021; Hạng mục: Cấp nước cụm công nghiệp Phong Năm và vùng lân cận



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
68	61C/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ NMN Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành
69	61B/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 2/2021
70	62/QĐ-HĐQT	04/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời chào hàng cạnh tranh qua mạng E-HS YC gói thầu xây lắp ống cấp nước uPVC D168. Công trình tuyến ống cấp nước dọc lộ cầu Nhà Việc
71	62A/QĐ-HĐQT	04/03/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2021
72	63/QĐ- HĐQT	04/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: đấu nối cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2021. Hàng mục ống cấp nước các loại
73	63A/QĐ-HĐQT	04/03/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán lần 2 công trình: Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 3/2020. Hàng mục bổ sung lắp đặt van chặn, tru cứu hỏa và van xả khí
74	64/QĐ-HĐQT	07/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn thầu công trình ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 6 (phường 8). Hàng mục ống cấp nước các loại
75	65/QĐ-HĐQT	16/03/2022	Quyết định v/v phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng các loại phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2022
76	66/QĐ-CTN	16/03/2022	Quyết định v/v chấm dứt Hợp đồng lao động của ông Ngô Văn Hào
77	67/QĐ-HĐQT	16/03/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công Công trình: Ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 6 (Phường 8)
78	68/QĐ-HĐQT	17/03/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Công trình: Sửa chữa bể lọc số 1 - Cụm bể lọc thép 3.600m <sup>3</sup> /ngày đêm; Địa điểm: xã Sơn Đông - TP. Bến Tre
79	69/QĐ-HĐQT	19/03/2022	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng các loại phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2022
80	70/QĐ-HĐQT	19/03/2022	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Sửa chữa bể lọc số 1 - Cụm bể lọc thép 3.600 m <sup>3</sup> /ngày đêm, xã Sơn Đông, TP. Bến Tre



**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
81	71/QĐ-HĐQT	24/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công gói thầu dịch vụ tư vấn: giám sát thi công. Công trình Sửa chữa bể lọc số 1 - cụm bể lọc thép 3.600m <sup>3</sup> / ngày đêm
82	72/QĐ-HĐQT	24/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: lắp thêm máy bơm - trạm tăng áp Hàm Luông
83	73/QĐ-HĐQT	25/03/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: tuyển ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống uPVC D168 và HDPE D63
84	74/QĐ-HĐQT	25/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm máy bơm phục vụ công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm tăng áp Hàm Luông
85	75/QĐ-HĐQT	25/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát thi công gói thầu số 2. Dự án tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
86	75A/QĐ-HĐQT	26/03/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hạng mục ống cấp nước MPVC - D225
87	76/QĐ-HĐQT	28/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: ống cấp nước các loại. Công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 2/2021
88	77/QĐ-HĐQT	29/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: sửa chữa bể lọc thép 3.600m <sup>3</sup> / ngày đêm. Công trình sửa chữa bể lọc số 1 - Cụm bể lọc thép 3.600 m <sup>3</sup> / ngày đêm
89	78/QĐ-HĐQT	29/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện giồng trôm - đợt 2/2021. Hạng mục cấp nước cụm khu công nghiệp Phong Nấm và vùng lân cận
90	79/QĐ-HĐQT	29/03/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công gói thầu dịch vụ tư vấn: Giám sát thi công. Công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 2/2021
91	80/QĐ-HĐQT	31/03/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm phục vụ công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm tăng áp Hàm Luông
92	81A/QĐ-HĐQT	01/04/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hạng mục ống HDPE D63

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
93	81/QĐ-HĐQT	01/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm -DN 50mm (không có chức năng đọc dữ liệu từ xa)
94	82/QĐ-HĐQT	01/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: tuyển ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống uPVC D168 và HDPE D63
95	83/QĐ-HĐQT	01/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 3/2021. Hạng mục ống cấp nước các loại
96	84/QĐ-HĐQT	05/04/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hàng rào Đội Quản lý mạng và sửa chữa Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
97	85/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng hàng rào Đội Quản lý mạng và sửa chữa Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
98	86/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe Nhà máy nước Sơn Đông năm 2022
99	88/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe Nhà máy nước Sơn Đông năm 2022
100	90/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình NMN Sơn Đông năm 2020. Hạng mục lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và van chặn tuyến ống nước thô Trạm bơm cấp 1
101	91/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 4/2020. Hạng mục ống nhánh cấp nước các loại
102	92/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Cải tạo mạng lưới cấp nước đường Nguyễn Thị Định TP Bến Tre (năm 2021). Hạng mục ống HDPE D250
103	93/QĐ-HĐQT	06/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Nhà máy nước Hữu Định năm 2019. Hạng mục nâng cấp 1 bơm cấp 2 - NMN Hữu Định
104	93A/QĐ-HĐQT	07/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước đường Nguyễn Thị Định- TP Bến Tre (năm 2021). Hạng mục ống HDPE D250
105	94/QĐ-HĐQT	07/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm (có chức năng đọc dữ liệu từ xa)

**Sổ Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
106	94A/QĐ-HĐQT	08/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hạng mục ống cấp nước MPVC D225
107	95/QĐ-HĐQT	08/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm phục vụ công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm tăng áp Hàm Luông
108	95A/QĐ-HĐQT	08/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hạng mục ống HDPE D63
109	96/QĐ-HĐQT	09/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách
110	97/QĐ-CTN	09/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công- Dự toán công trình: Xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe Nhà máy nước Sơn Đông năm 2022
111	98/QĐ-HĐQT	09/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Xây dựng hàng rào Đội Quản lý mạng và sửa chữa Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
112	99-102/QĐ-CTN	14/04/2022	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động : Trần Quang Toàn, Lê Minh Châu, Lưu Nửa Trăm, Tống Văn Được
113	103/QĐ-HĐQT	14/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu: sửa chữa Nhà làm việc Chi nhánh Phú Tân
114	103A/QĐ-HĐQT	14/04/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 1/2022. Hạng mục ống cấp nước các loại
115	104/QĐ-HĐQT	14/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình mạng lưới cấp nước Mỏ Cây Bắc - đợt 1/2021. Hạng mục ống nhánh cấp nước các loại
116	105/QĐ-HĐQT	14/04/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cây năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000 m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
117	106/QĐ-HĐQT	15/04/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: sửa chữa Nhà làm việc Chi nhánh Phú Tân
118	107/QĐ-HĐQT	19/04/2022	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN15 mm - DN50 mm (không có chức năng đọc dữ liệu từ xa) thuộc dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng các loại phục vụ Công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2022)
119	108/QĐ-HĐQT	20/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: ống cấp nước uPVC D168 công trình Tuyến ống cấp nước dọc lộ cầu Nhà Việc



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
120	109/QĐ-HĐQT	20/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình chi nhánh cấp nước Mỏ Cây năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000 m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
121	110/QĐ-HĐQT	22/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật - lần 2 (Giảm thuế VAT 8% - Cập nhật Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của Chính Phủ), Công trình: Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1; hạng mục: Ống HDPE D125 và D63
122	111/QĐ-HĐQT	22/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây dựng cum xử lý 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm công trình Cum xử lý 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm - Chi nhánh cấp nước Phú Tân
123	112/QĐ-HĐQT	23/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng Dự án: Tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
124	113/QĐ-HĐQT	25/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình tuyến ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống uPVC D168 và HDPE D63
125	114/QĐ-HĐQT	25/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (lần 2) (Giảm thuế VAT 8% - Cập nhật nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022); Công trình Bể chứa nước sạch 1000m <sup>3</sup> trạm tăng áp Hàm Luông
126	115/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Giảm thuế VAT 8% - Cập nhật Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của Chính Phủ); Công trình: Tuyến ống cấp nước uPVC D168 và HDPE D63 huyện Chợ Lách năm 2021
127	116/QĐ-HĐQT	26/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1. Hạng mục ống HDPE D125 và D63
128	116A/QĐ-HĐQT	27/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: sửa chữa Nhà làm việc Chi nhánh Phú Tân
129	117/QĐ-HĐQT	28/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình chi nhánh cấp nước Mỏ Cây năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000 m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông



**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
130	118/QĐ-HĐQT	28/04/2022	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN15mm (có chức năng đọc dữ liệu từ xa) thuộc Dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng các loại phục vụ Công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2022
131	119/QĐ-HĐQT	28/04/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình mạng lưới cấp nước huyện Mô Cây Nam năm 2021. Hạng mục ống nhánh cấp nước các loại
132	120/QĐ-HĐQT	28/04/2022	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu mời chào hàng cạnh tranh qua mạng E-HSMT gói thầu xây lắp Ống HDPE D125 và D63. Công trình mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1
133	121/QĐ-HĐQT	29/04/2022	Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán Công trình: Lắp đặt thêm máy bơm - trạm tăng áp Hàm Luông
134	122/QĐ-HĐQT	04/05/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe Nhà máy nước Sơn Đông năm 2022
135	123/QĐ-HĐQT	04/05/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây dựng hàng rào Đội Quản lý mạng và sửa chữa
136	124/QĐ-HĐQT	04/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1. Hạng mục ống HDPE D125 và D63
137	125/QĐ-HĐQT	06/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mô Cây Nam năm 2021. Hạng mục ống nhánh cấp nước các loại
138	126/QĐ-HĐQT	06/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hạng mục ống cấp nước MPVC D225
139	127/QĐ-HĐQT	06/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - Dự toán công trình Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hạng mục ống HDPE D63
140	128/QĐ-HĐQT	09/05/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 2/2021; Hạng mục: cấp nước cụm khu Công nghiệp Phong Năm và vùng lân cận
141	129/QĐ-CTN	11/05/2022	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động ông Nguyễn Văn Cước

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
142	130/QĐ-CTN	11/05/2022	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động Nguyễn Thị Bảo Trân
143	131/QĐ-HĐQT	12/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu mời chào hàng cạnh tranh qua mạng E-HSMT gói thầu xây lắp: ống uPVC D168 và HDPE D63. Công trình, tuyến ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021
144	132A/QĐ-HĐQT	13/05/2022	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) Công trình: Cải tạo sảnh chính (Văn phòng Công ty)
145	132/QĐ-HĐQT	13/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe Nhà máy nước sơn Đông năm 2022
146	133/QĐ-HĐQT	14/05/2022	Quyết định phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp: Bể chứa nước sạch 1000m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
147	134/QĐ-HĐQT	14/05/2022	Quyết định v/v phê duyệt dự toán mua sắm xe ô tô tải có gắn cầu phục vụ cho công tác sửa chữa hệ thống cấp nước và các công trình xây dựng cơ bản
148	135A/QĐ-HĐQT	14/05/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Cải tạo sảnh chính (Văn phòng Công ty)
149	135/QĐ-HĐQT	14/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 2/2021. Hạng mục cấp nước cụm khu công nghiệp Phong Năm và vùng lân cận
150	136/QĐ-HĐQT	14/05/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa
151	137/QĐ-CTN	16/05/2022	Quyết định về việc thành lập Hội đồng lương của Công ty
152	138/QĐ-HĐQT	16/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hạng mục ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa
153	139/QĐ-HĐQT	16/05/2022	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: xây dựng hàng rào Đội quản lý mạng và sửa chữa
154	140/QĐ-HĐQT	16/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 2/2021. Hạng mục cấp nước cụm khu công nghiệp Phong Năm và vùng lân cận.
155	141/QĐ-HĐQT	17/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cây năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000 m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
156	142/QĐ-HĐQT	18/05/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán (tăng chi phí thiết bị) công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm tăng áp Hàm Luông
157	143/QĐ-HĐQT	20/05/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình: đầu nối cầu tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước TP Bến Tre năm 2021
158	144/QĐ-HĐQT	24/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe Nhà máy nước Sơn Đông năm 2022
159	145/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: Xây dựng nhà kho và nâng nền nhà xe NMN Sơn Đông
160	146/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: Xây dựng hàng rào Đới quản lý mạng và sửa chữa
161	147/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình xây dựng hàng rào Đới quản lý mạng và sửa chữa
162	148/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hàng mục ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa
163	149/QĐ-HĐQT	26/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp xe ô tô tải có gắn cầu phục vụ cho công tác sửa chữa hệ thống cấp nước và các công trình xây dựng cơ bản
164	150/QĐ-HĐQT	26/05/2022	Quyết định v/v ban hành Quy chế mua sắm tài sản, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh
165	151/QĐ-HĐQT	26/05/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự toán (lần 1) công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 3/2021
166	152/QĐ-HĐQT	26/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 3/2021
167	153/QĐ-HĐQT	27/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống uPVC D168 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 2/2021
168	154/QĐ-HĐQT	28/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu mời chào hàng cạnh tranh qua mạng E-HSMT công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Nam năm 2021
169	155/QĐ-HĐQT	28/05/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: ống cấp nước các loại và trụ cứu hỏa. Công trình mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
170	156/QĐ-HĐQT	30/05/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp thêm máy bơm - trạm bơm tăng áp Hàm Luông
171	156A/QĐ-HĐQT	01/06/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách
172	157A/QĐ-HĐQT	03/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách
173	157/QĐ-HĐQT	03/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu cung cấp xe ô tô tải 5 tấn có gắn cầu 3 tấn
174	158/QĐ-HĐQT	04/06/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hàng rào và lát nền gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
175	159/QĐ-HĐQT	04/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Hàng rào và lát nền gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
176	160/QĐ-HĐQT	06/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre - đợt 1/2022. Hạng mục ống cấp nước các loại
177	162/QĐ-HĐQT	06/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm - đợt 3/2021
178	163/QĐ-HĐQT	08/06/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hạng mục ống cấp nước MPVC D225
179	164/QĐ-HĐQT	08/06/2022	Quyết định phê duyệt sửa đổi Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh qua mạng Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Nam năm 2021. Hạng mục ống nhánh cấp nước các loại
180	165/QĐ-HĐQT	08/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: lắp thêm máy bơm- trạm bơm tăng áp Hàm Luông
181	166/QĐ-HĐQT	09/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp ống HDPE D125 và D63. Công trình mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân đợt 1
182	167/QĐ-HĐQT	11/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình đầu nối cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2021
183	168/QĐ-HĐQT	11/06/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lúa 2 (phường 6)



**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
184	169/QĐ-HĐQT	13/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hàng mục ống cấp nước MPVC D225
185	170/QĐ-HĐQT	14/06/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán lần 3 công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre - đợt 2/2021
186	171/QĐ-HĐQT	15/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: ống cấp nước trong khu vực nâng cấp khu Lia 2 (phường 6)
187	171A/QĐ-HĐQT	16/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Đầu nối cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước TP Bến Tre năm 2021
188	172/QĐ-HĐQT	17/06/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hàng mục ống HDPE D63
189	172A/QĐ-HĐQT	20/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu Bể chứa nước sạch 1000m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
190	173/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Tuyển ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hàng mục ống uPVC D168 và HDPE D63
190	173/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Tuyển ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021. Hàng mục ống uPVC D168 và HDPE D63
191	174/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu thi công xây lắp Công trình: Lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách.
192	175/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp ống uPVC D168 và HDPE D63. Công trình tuyển ống cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021
193	176/QĐ-HĐQT	22/06/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công Công trình: Lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách
194	177/QĐ-HĐQT	27/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp xe ô tô tải 5 tấn có gắn cầu 3 tấn
195	178/QĐ-HĐQT	27/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp van giảm áp phục vụ công trình đầu nối cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2021
196	179/QĐ-HĐQT	27/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị truyền dữ liệu, đồng hồ đo lưu lượng phục vụ công trình đầu nối cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2021

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
197	180/QĐ-HĐQT	27/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hàng mục ống HDPE D63
198	181/QĐ-HĐQT	28/06/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: Bể chứa nước sạch 1000 m <sup>3</sup> Trạm tăng áp Hàm Luông
199	182/QĐ-HĐQT	29/06/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hàng mục ống HDPE D63
200	183/QĐ-HĐQT	29/06/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách đợt 1/2022. Hàng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
201	184/QĐ-HĐQT	29/06/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở điều chỉnh dự án. Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
202	185/QĐ-HĐQT	04/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: ống nhánh cấp nước các loại. Công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Nam năm 2021
203	186/QĐ-HĐQT	11/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán Công trình Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách đợt 1/2022. Hàng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
204	187/QĐ-HĐQT	11/07/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2022
205	188/QĐ-HĐQT	12/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Nam năm 2021. Hàng mục ống nhánh cấp nước các loại
206	189/GUQ-CTN	13/07/2022	Giấy ủy quyền việc nộp và rút tiền mặt tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Bến Tre
207	190/QĐ-HĐQT	14/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân 2022
208	191/QĐ-HĐQT	14/07/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre. Hàng mục khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông
209	192/QĐ-HĐQT	14/07/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022). Hàng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
210	193/QĐ-HĐQT	14/07/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
211	194/QĐ-HĐQT	15/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm cấp I cũ tại NMN Sơn Đông
212	195/QĐ-HĐQT	18/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
213	196/QĐ-HĐQT	18/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre.
214	197/QĐ-HĐQT	18/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Bắc (đợt 1/2022). Hạng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
215	198/QĐ-HĐQT	19/07/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán- lần 2. Công trình: Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1-2021
216	199/QĐ-HĐQT	19/07/2022	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 3/2020. Hạng mục Bổ sung lắp đặt van chặn , trụ cứu hỏa và van xả khí
217	200/QĐ-HĐQT	20/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm cấp I cũ tại NMN Sơn Đông
218	201/QĐ-HĐQT	20/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2022
219	202/QĐ-HĐQT	30/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm cấp I cũ tại NMN Sơn Đông
220	203/QĐ-HĐQT	01/08/2022	Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hạng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
221	203A/QĐ-HĐQT	02/08/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa Nhà hỏa chất.
222	203B/QĐ-HĐQT	02/08/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: tháo tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về Nhà máy nước Lương Quới
223	204/QĐ-HĐQT	04/08/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- dự toán công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
224	205/QĐ-HĐQT	08/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công Công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa
225	206/QĐ-HĐQT	09/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hạng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
226	207/QĐ-HĐQT	09/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu: ống cấp nước MPVC D225. Công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hòa
227	208/QĐ-HĐQT	10/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
228	209/QĐ-HĐQT	11/08/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
229	210/QĐ-HĐQT	15/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
230	211/QĐ-HĐQT	16/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 - trạm bơm nước thô Cái Cỏ
231	212/QĐ-HĐQT	16/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1-2022
232	213/QĐ-HĐQT	19/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất
233	214/QĐ-HĐQT	19/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Tháo tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về NMN Lương Quới
234	215A/QĐ-HĐQT	22/08/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
235	215/QĐ-HĐQT	22/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất
236	215B/QĐ-HĐQT	23/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kiểm tra, sửa chữa đồng hồ Multimag 15mm đã qua sử dụng
237	216A/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh dự án: Tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
238	216/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2022
239	217/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán lần - 3 công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 3/2020. Hàng mục Bổ sung lắp đặt van chặn, trụ cứu hỏa và van xả khí
240	217A/QĐ-HĐQT	26/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm tra, sửa chữa đồng hồ Multimag 15mm đã qua sử dụng



**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
211	194/QĐ-HĐQT	15/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm cấp I cũ tại NMN Sơn Đông
212	195/QĐ-HĐQT	18/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
213	196/QĐ-HĐQT	18/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre.
214	197/QĐ-HĐQT	18/07/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Bắc (đợt 1/2022). Hạng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
215	198/QĐ-HĐQT	19/07/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán- lần 2. Công trình: Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1-2021
216	199/QĐ-HĐQT	19/07/2022	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 3/2020. Hạng mục Bổ sung lắp đặt van chặn , trụ cứu hỏa và van xả khí
217	200/QĐ-HĐQT	20/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm cấp I cũ tại NMN Sơn Đông
218	201/QĐ-HĐQT	20/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2022
219	202/QĐ-HĐQT	30/07/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm cấp I cũ tại NMN Sơn Đông
220	203/QĐ-HĐQT	01/08/2022	Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hạng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
221	203A/QĐ-HĐQT	02/08/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất
222	203B/QĐ-HĐQT	02/08/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: tháo tuyến ống chuyên tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về Nhà máy nước Lương Quới
223	204/QĐ-HĐQT	04/08/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- dự toán công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
224	205/QĐ-HĐQT	08/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công Công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa
225	206/QĐ-HĐQT	09/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hạng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
226	207/QĐ-HĐQT	09/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu: ống cấp nước MPVC D225. Công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa
227	208/QĐ-HĐQT	10/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
228	209/QĐ-HĐQT	11/08/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
229	210/QĐ-HĐQT	15/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
230	211/QĐ-HĐQT	16/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 - trạm bơm nước thô Cái Cỏ
231	212/QĐ-HĐQT	16/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1-2022
232	213/QĐ-HĐQT	19/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất
233	214/QĐ-HĐQT	19/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Tháo tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về NMN Lương Quới
234	215A/QĐ-HĐQT	22/08/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rach Miếu 2
235	215/QĐ-HĐQT	22/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất
236	215B/QĐ-HĐQT	23/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán kiểm tra, sửa chữa đồng hồ Multimag 15mm đã qua sử dụng
237	216A/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh dự án: Tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
238	216/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2022
239	217/QĐ-HĐQT	24/08/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán lần - 3 công trình: Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 3/2020. Hạng mục Bổ sung lắp đặt van chặn , trụ cứu hỏa và van xả khí
240	217A/QĐ-HĐQT	26/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm tra, sửa chữa đồng hồ Multimag 15mm đã qua sử dụng

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
241	218/QĐ-HĐQT	26/08/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 2/2021). Hàng mục ống nhánh HDPE D63 khu vực thị trấn Giồng Trôm và trụ cứu hỏa
242	218A/QĐ-HĐQT	30/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kiểm tra, sửa chữa đồng hồ Multimag 15mm đã qua sử dụng
243	219/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
244	220/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán Công trình: Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
245	221/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
246	222/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Bắc (đợt 1/2022)
247	223/QĐ-HĐQT	07/09/2022	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình: Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ nhà máy nước Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành
248	225/QĐ-HĐQT	08/09/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hàng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
249	226/QĐ-CTN	12/09/2022	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động Lê Minh Phúc
250	226A/QĐ-HĐQT	12/09/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hàng mục ống cấp nước MPVC D225
251	227/QĐ-HĐQT	13/09/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ Nhà máy nước Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành
252	228/QĐ-HĐQT	16/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre - đợt 1/2022
253	228B/QĐ-HĐQT	17/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
254	228A/QĐ-HĐQT	17/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hàng mục lắp đặt máy bơm P=18.5kW, biến tần và nhà bao che
255	229/QĐ-HĐQT	19/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2022
256	230/QĐ-HĐQT	20/09/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách
257	230A/QĐ-HĐQT	21/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình ống cấp nước nằm trong khu LIA 1 và LIA 7
258	230B/QĐ-HĐQT	23/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
259	231/QĐ-HĐQT	26/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2022
260	232/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2022
261	233/QĐ-CTN	30/09/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
262	234/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hàng mục lắp đặt máy bơm P=18.5 kW, biến tần và nhà bao che
263	234A/QĐ-HĐQT	10/10/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021
264	235/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - dự toán công trình: ống cấp nước nằm trong khu LIA 1 (phường 5) và khu LIA 7 (phường Phú Khương)
265	236/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án: tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long. Gói thầu số 02 ống cấp nước D400 và D315 đường Huỳnh Tấn Phát và ĐT 883
266	237/QĐ-HĐQT	15/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- Dự toán công trình tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
267	237A/QĐ-HĐQT	17/10/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình ống cấp nước qua kênh Chợ Lách năm 2022. Hàng mục khoan 2 ống HDPE D250



**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
241	218/QĐ-HĐQT	26/08/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 2/2021). Hàng mục ống nhánh HDPE D63 khu vực thị trấn Giồng Trôm và trụ cứu hỏa
242	218A/QĐ-HĐQT	30/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu kiểm tra, sửa chữa đồng hồ Multimag 15mm đã qua sử dụng
243	219/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 1 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
244	220/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán Công trình: Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
245	221/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
246	222/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mô Cây Bắc (đợt 1/2022)
247	223/QĐ-HĐQT	07/09/2022	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình: Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ nhà máy nước Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành
248	225/QĐ-HĐQT	08/09/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hàng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
249	226/QĐ-CTN	12/09/2022	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động Lê Minh Phúc
250	226A/QĐ-HĐQT	12/09/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình thay ống thép D200 trên cầu Mỹ Hóa. Hàng mục ống cấp nước MPVC D225
251	227/QĐ-HĐQT	13/09/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Tuyến ống cấp nước MPVC D400 từ Nhà máy nước Sơn Đông đến ngã tư Tân Thành
252	228/QĐ-HĐQT	16/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre - đợt 1/2022
253	228B/QĐ-HĐQT	17/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
254	228A/QĐ-HĐQT	17/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hạng mục lắp đặt máy bơm P=18.5kW, biến tần và nhà bao che
255	229/QĐ-HĐQT	19/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2022
256	230/QĐ-HĐQT	20/09/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: lắp đặt bơm gió trạm cấp nước Chợ Lách
257	230A/QĐ-HĐQT	21/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình ống cấp nước nằm trong khu LIA 1 và LIA 7
258	230B/QĐ-HĐQT	23/09/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
259	231/QĐ-HĐQT	26/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2022
260	232/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2022
261	233/QĐ-CTN	30/09/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
262	234/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hạng mục lắp đặt máy bơm P=18.5 kW, biến tần và nhà bao che
263	234A/QĐ-HĐQT	10/10/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Chợ Lách năm 2021
264	235/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - dự toán công trình: ống cấp nước nằm trong khu LIA 1 (phường 5) và khu LIA 7 (phường Phú Khương)
265	236/QĐ-HĐQT	14/10/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án: tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long. Gói thầu số 02. ống cấp nước D400 và D315 đường Huỳnh Tấn Phát và ĐT 883
266	237/QĐ-HĐQT	15/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- Dự toán công trình tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
267	237A/QĐ-HĐQT	17/10/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình ống cấp nước qua kênh Chợ Lách năm 2022. Hạng mục khoan 2 ống HDPE D250

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
268	237B/QĐ-HĐQT	18/10/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mô Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và D63
269	238/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm bộ thiết bị nghe rò rỉ ống nước Aquascope 3PM
270	239/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
271	240/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- Dự toán công trình Trạm bơm tăng áp Chet Sậy. Hạng mục lắp đặt máy bơm P=18,5kW, biến tần và nhà bao che
272	241/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
273	242/QĐ-HĐQT	19/10/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hạng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
274	243/QĐ-HĐQT	20/10/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Tháo tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về Nhà máy nước Lương Quới
275	244/QĐ-HĐQT	21/10/2022	Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung công trình lắp thêm máy bơm - trạm bơm tăng áp hàm Luông
276	245/QĐ-HĐQT	24/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Tháo tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về Nhà máy nước Lương Quới
277	246/QĐ-HĐQT	24/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Tháo tuyến ống chuyển tải nước thô HDPE D250 từ sông Bình Chánh về Nhà máy nước Lương Quới
278	247/QĐ-HĐQT	25/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ thiết bị nghe rò rỉ ống nước Aquascope 3PM
279	248/QĐ-HĐQT	25/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hạng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
280	249/QĐ-HĐQT	26/10/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về KCN Giao Long



STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
281	250/QĐ-HĐQT	26/10/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022. Hàng mục ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp
282	251/QĐ-HĐQT	27/10/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán lần 2 công trình: lắp thêm máy bơm - trạm bơm tăng áp Hàm Luông
283	251A/QĐ-HĐQT	28/10/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mô Cày Nam năm 2022. Hàng mục ống uPVC D168
284	252/QĐ-HĐQT	01/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp ống nhánh HDPE D63 và van giảm áp. Công trình mạng lưới cấp nước Chợ Lách đợt 1/2022
285	253/QĐ-HĐQT	01/11/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 3/2022
286	254/QĐ-HĐQT	01/11/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình ống cấp nước nằm trong khu Lia 1 (phường 5) và khu Lia 7 (phường Phú Khương)
287	255/QĐ-CTN	04/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ thiết bị nghe rò rỉ ống nước Aquascope 3PM
288	256/QĐ-HĐQT	05/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
289	257/QĐ-HĐQT	05/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: ống cấp nước qua kênh Chợ Lách năm 2022. Hàng mục khoan 2 ống HDPE D250
290	258/QĐ-HĐQT	07/11/2022	Quyết định v/v phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT gói thầu số 2, Công trình: Tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về KCN Giao Long
291	259/QĐ-HĐQT	07/11/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
292	260/QĐ-HĐQT	07/11/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre. Hàng mục ống MPVC D315 đường Ngô Quyền và ống uPVC D220 đường Âu Cơ, Hàng mục Khoan đất 2 ống HDPE D250 vượt sông
293	261/QĐ-HĐQT	09/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
294	262/QĐ-HĐQT	09/11/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 2/2021. Hàng mục cấp nước cụm khu công nghiệp Phong Nấm và vùng lân cận



**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
295	263/QĐ-HĐQT	11/11/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D168 và HDPE D180
296	264/QĐ-HĐQT	11/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Mạng lưới cấp huyện Mô Cây Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và D63
297	265/QĐ-HĐQT	14/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: ống cấp nước nằm trong khu Lia1(phường 5) và khu Lia7 (phường Phú Khương)
298	266/QĐ-HĐQT	15/11/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miếu 2
299	267/QĐ-HĐQT	15/11/2022	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất - Chi nhánh Phú Tân
300	268/QĐ-HĐQT	16/11/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
301	269/QĐ-HĐQT	16/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Tháo dỡ đập đất kênh Thuộc đạo xã Quới Thành
302	270/QĐ-CTN	17/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: ống cấp nước nằm trong khu Lia 1 (phường 5) và khu Lia 7 (phường Phú Khương)
303	271/QĐ-HĐQT	21/11/2022	Quyết định v/v chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D168 và HDPE D180
304	272/QĐ-HĐQT	21/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường dây trung thế 22kV và Trạm 400kVA Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre - xã Sơn Định huyện Chợ Lách
305	273/QĐ-HĐQT	21/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đường dây trung thế 22kV và Trạm biến áp 400kVA Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre - xã Châu Hòa huyện Giồng Trôm
306	274/QĐ-HĐQT	21/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống uPVC D168 và uPVC D114 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
307	275/QĐ-HĐQT	22/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa nhà hóa chất - CN Phú Tân

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
308	276/QĐ-HĐQT	22/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cánh bơm cho máy bơm số 2 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
309	277/QĐ-HĐQT	22/11/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình: Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
310	278/QĐ-HĐQT	26/11/2022	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 2 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
311	279/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miếu 2
312	280/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Nam năm 2022. Hạng mục ống uPVC D168
313	281/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
314	282/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
315	283/QĐ-HĐQT	29/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
316	284/QĐ-HĐQT	30/11/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
317	285/QĐ-HĐQT	02/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- dự toán công trình Mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D168 và HDPE D180
318	286/QĐ-HĐQT	05/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm số 2 trạm bơm nước thô Cái Cỏ
319	287/QĐ-HĐQT	05/12/2022	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre - xã Sơn Định huyện Chợ Lách
320	288/QĐ-HĐQT	05/12/2022	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 400kVA Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre - Xã Châu Hóa huyện Giồng Trôm

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
321	289/QĐ-HĐQT	05/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre. Hàng mục ống MPVC D315 đường Ngô Quyền và ống uPVC D220 đường Âu Cơ, Khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông
322	290/QĐ-HĐQT	05/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn mời thầu gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
323	291/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: sửa chữa nhà hóa chất
324	292/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- dự toán công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hàng mục ống HDPE D225
325	293/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- dự toán công trình: ống cấp nước qua kênh Chợ Lách năm 2022. Hàng mục khoan 2 ống HDPE D250
326	294/QĐ-HĐQT	06/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công- dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mô Cày Nam năm 2022. Hàng mục ống uPVC D168
327	295/QĐ-HĐQT	07/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
328	296/QĐ-HĐQT	08/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa nhà hóa chất
329	28/QĐ-HĐQT	08/12/2022	Quyết định về việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiểm thư kỹ HĐQT
330	29/QĐ-HĐQT	08/12/2022	Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiểm thư kỹ HDQT
331	297/QĐ-HĐQT	09/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
332	298/QĐ-HĐQT	09/12/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Trạm bơm tăng áp Chet Sây. Hàng mục lắp đặt máy bơm P=18.5kW, biến tần và nhà3 bao che
333	299/QĐ-HĐQT	12/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre. Hàng mục ống MPVC D315 đường Ngô Quyền và ống uPVC D220 đường Âu Cơ

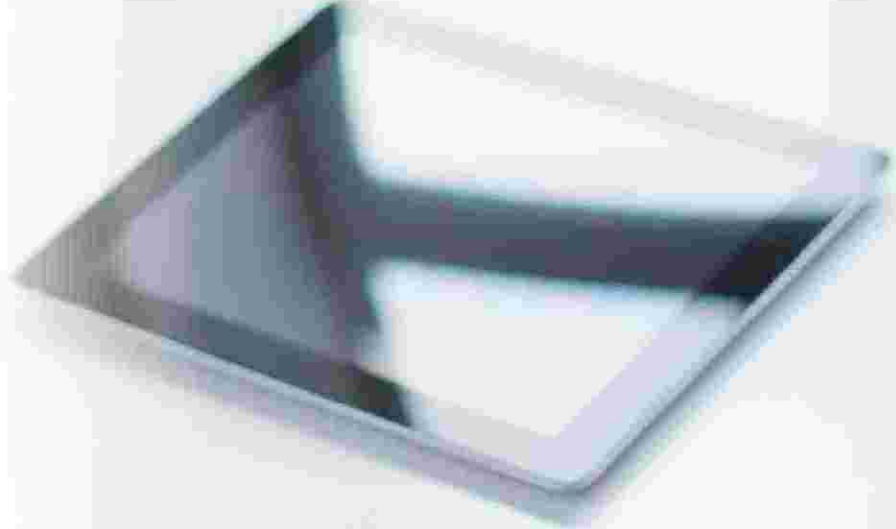


STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
334	300/QĐ-HĐQT	12/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
335	301/QĐ-HĐQT	12/12/2022	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022). Hàng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
336	302/QĐ-HĐQT	15/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán Công trình Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
337	303/QĐ-HĐQT	16/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
338	304/QĐ-HĐQT	19/12/2022	Quyết định v.v phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT Gói thầu xây lắp: Hàng rào và lát gạch vỉa hè NMN Sơn Đông
339	305/QĐ-HĐQT	19/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước TP Bến tre năm 2022
340	306/QĐ-HĐQT	19/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: tháo dỡ đập đất kênh Thuộc Đạo xã Quới Thành
341	307/QĐ-HĐQT	20/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu Thi công gói thầu số 2 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án Tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
342	308/QĐ-HĐQT	21/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ điện tử DN 300 và thiết bị truyền dữ liệu phục vụ công trình Tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
343	309/QĐ-HĐQT	21/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống uPVC D220 phục vụ công trình Tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
344	310/QĐ-HĐQT	21/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống MPVC D315 phục vụ công trình Tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
345	311/QĐ-HĐQT	21/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp van gang các loại phục vụ công trình Tuyển ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
346	312/QĐ-HĐQT	21/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu của E-HSMT của gói thầu Thi công gói thầu số 2 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long

**Số Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)**

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung Quyết định
347	313/QĐ-HĐQT	21/12/2022	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình mạng lưới cấp nước huyện Mô Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
348	314/QĐ-HĐQT	22/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình cải tạo sửa chữa và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2022
349	315/QĐ-HĐQT	22/12/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách (đợt 2/2022)
350	316/QĐ-HĐQT	22/12/2022	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Công trình lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
351	317/QĐ-HĐQT	22/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu gói thầu: lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
352	318/QĐ-HĐQT	23/12/2022	Quyết định về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, vật tư thời điểm 00g00 ngày 01/01/2023
353	319/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: ống cấp nước nằm trong khu Lĩa 1(phường 5) và khu Lĩa 7 ( phường Phú Khương)
354	320/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Ống cấp nước nằm trong khu Lĩa 1 ( phường 5) và khu Lĩa 7 (phường Phú Khương)
355	321/QĐ-HĐQT	26/12/2022	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Thi công gói thầu số 2 thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
356	322/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
357	323/QĐ-HĐQT	27/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước xã Thanh Tân năm 2022. Hạng mục ống HDPE D63
358	323A/QĐ-HĐQT	29/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Đầu nổi cải tạo, sửa chữa và di dời mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2021
359	324/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật
360	325/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước Chợ Lách (đợt 2/2022). Hạng mục ống uPVC D168
361	326/QĐ-HĐQT	30/12/2022	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình ống cấp nước nằm trong khu Lĩa 1 (phường 5) và khu Lĩa 7 (phường Phú khương)

Có 361 Quyết định được ban hành



**CONTRACT**

...the contract is a legal agreement between two or more parties that is enforceable by law. It is a promise or set of promises for which the law provides a remedy. The contract is a binding agreement that creates legal obligations and rights for the parties involved. It is a legal document that is enforceable by law. The contract is a legal agreement between two or more parties that is enforceable by law. It is a promise or set of promises for which the law provides a remedy. The contract is a binding agreement that creates legal obligations and rights for the parties involved. It is a legal document that is enforceable by law.







**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
		Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông Lê Văn Phong	Trưởng BKS	-	-	13.230	0,05%
Ông Nguyễn Đình Huân	Thành viên BKS	-	-	-	-
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	-	-	-





## Lý lịch Ban kiểm soát

### **ÔNG LÊ VĂN PHONG**

**Trưởng Ban kiểm soát**

**Ngày sinh** : 02/06/1969

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ** : số 88C, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kinh tế.

**Quá trình công tác** :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1989 - 1997	Kế toán xi nghiệp Liên hợp Xây dựng Thủy lợi Bến Tre.
1997 - 2000	Phó phòng Kế toán Công ty Xây dựng Bến Tre.
2000 - 2015	Kế toán trưởng TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.
2015 - nay	Trưởng BKS Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** : 13.230 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ.

- *Đại diện sở hữu*: Không có
- *Sở hữu cá nhân*: 13.230 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ.



**Lý lịch Ban kiểm soát (tiếp theo)**

**ÔNG NGUYỄN ĐÌNH HUẤN**

**Thành viên Ban kiểm soát**

**Ngày sinh** : 06/09/1966 **Quốc tịch** : Việt Nam  
**Địa chỉ** : số 88C, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính - tiền tệ  
**Quá trình công tác** :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1982 - 2002	Kế toán trưởng phòng Tài chính kế toán thị xã Bến Tre.
2002 - 06/2015	Quyền Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.
07/2015 - 04/2016	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính.
05/2016 - nay	Chánh Văn phòng Sở Tài chính Bến Tre.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- *Đại diện sở hữu*: Không có
- *Sở hữu cá nhân*: Không có



## BÀ NGÔ THỊ HỒNG VÂN

Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 02/01/1969 **Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ** : 276/9/21 đường Mã Lò, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Trình độ chuyên môn** : Đại học Tài chính Kế toán

**Quá trình công tác** :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1992 - 2004	Nhân viên Phòng Tổng hợp tại Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa.
2004 - 2010	Kế toán tổng hợp tại Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa.
2011 - 07/2012	Phó phòng Kế toán tại Công ty TNHH Hoàn cầu.
08/2012 - 07/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang.
2014 - 2016	Kế toán trưởng Trung tâm Y Khoa Saint Luke.
2016 - 2017	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thiên Anh Sài Gòn.
2018 - nay	Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Hoàn cầu.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay** :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: Không có

## **BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)**



### **Hoạt động của Ban kiểm soát**

#### **➤ Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông**

- Trưởng Ban kiểm soát thực hiện giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty; giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường năm 2022; giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành; giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- Giám sát việc ghi sổ sách chứng từ kế toán trong công ty; xem xét các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính đã công bố.
- Xem các hồ sơ, sổ sách có liên quan trong hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền của Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2022 của Ban điều hành.
- Tham gia các cuộc họp giao ban, họp triển khai những công việc quan trọng, họp về lựa chọn nhà thầu trong đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm hàng hóa, nghiệm thu các công trình.



➤ **Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác**

Trong năm 2022, sự phối hợp tốt giữa Ban kiểm sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong các mặt hoạt động điều hành được thực hiện rất tốt. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên cung cấp các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022; Báo cáo tài chính của Công ty trong năm; các tài liệu khác cho Ban kiểm soát đúng quy định. Người đứng đầu các bộ phận trong bộ máy quản lý, điều hành Công ty thực hiện tốt Điều lệ Công ty, các Quy chế quản trị Công ty đã ban hành.



**Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
2	Trần Hoàng Anh Phương	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%
3	Đoàn Thị Vi Vân	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%





# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



## Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cổ tức
Nguyễn Thị Diễm Phương (1)	Chủ tịch HĐQT	607.764.960		33.831.000
Trần Hùng (2)	Chủ tịch HĐQT	574.912.800	-	6.993.000
Trần Thanh Bình (3)	Thành viên HĐQT, TGD	512.743.176	-	5.670.000
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
Phan Thanh Bình (4)	Thành viên HĐQT, PTGD	512.743.176	-	1.228.500
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	512.743.176	-	11.907.000
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	468.156.802	-	18.778.500
Nguyễn Đình Huân	Thành viên BKS	-	54.000.000	-
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	54.000.000	-
Lưu Văn Khanh	Thư ký	-	42.000.000	-
Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	-	42.000.000	-

(1) Nguyễn Thị Diễm Phương miễn nhiệm từ ngày 01/01/2023

(2) Trần Hùng được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023

(3) Trần Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023

(4) Phan Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023



## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ người có liên quan với người nội bộ

Không có



## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

Stt	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Trả cổ tức			
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	16.934.400.000	
2	Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	4.598.559.000	Số 27/NQ-HĐQT
3	Công ty TNHH Hoàn Cầu	3.969.000.000	



## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị Công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy

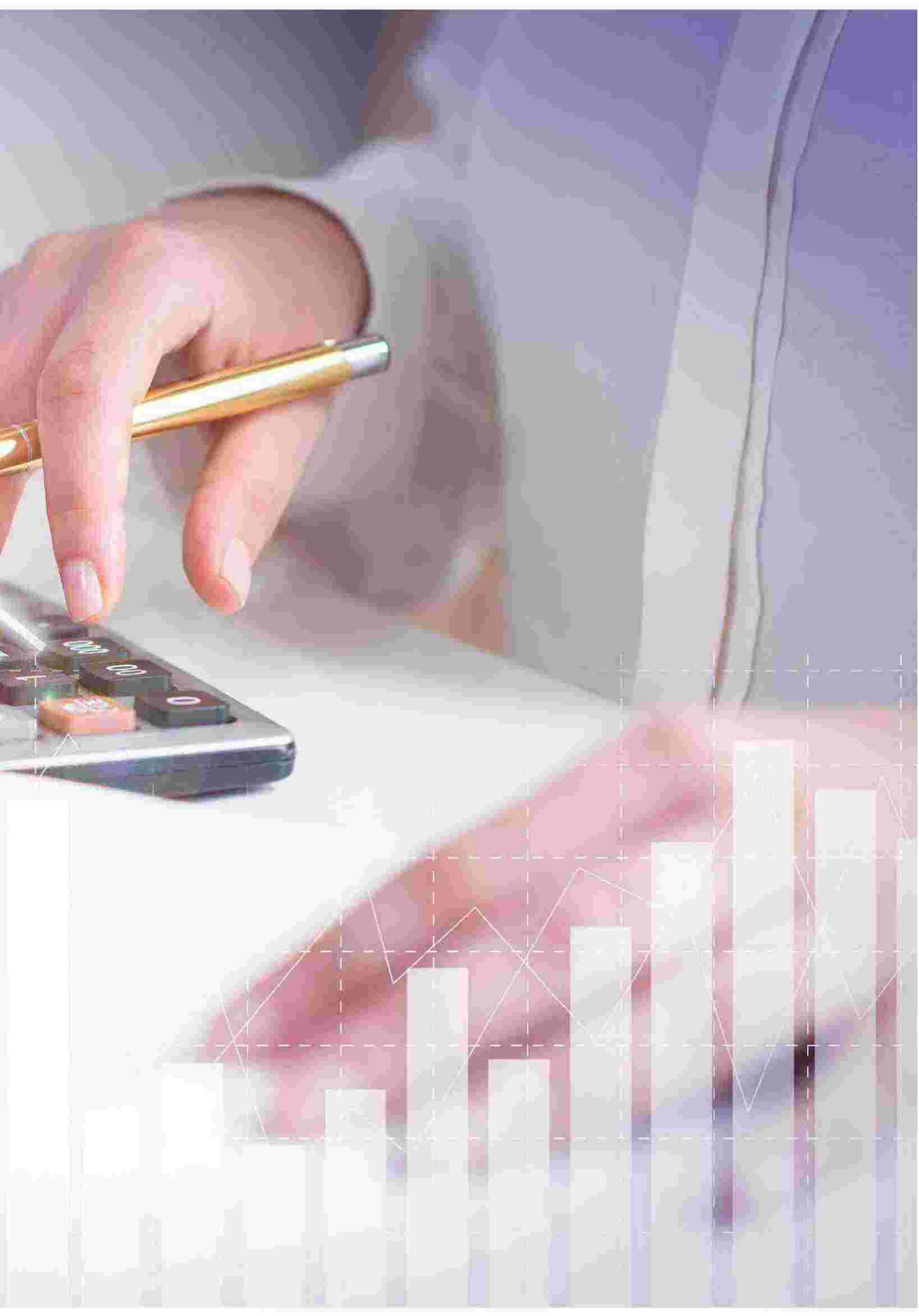
định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo qui định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị.



The image is a vertical cover for a financial report. It features a background of a hand using a calculator, with a bar chart overlaid at the bottom. A large blue arrow points from the top left towards the center. A blue banner with white text is positioned horizontally across the middle. The overall color palette is light blue and white.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (tên viết tắt là: BEWACO) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 (hình thức Công ty TNHH Một thành viên); và đã điều chỉnh lần 04 thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1300107725 ngày 01 tháng 12 năm 2015 (chính thức chuyển sang công ty cổ phần), đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ: 294.000.000.000 đồng (hai trăm chín mươi bốn tỷ đồng Việt Nam).

Công ty đang giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là NBT.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : +84 (275) 3 825 727
- Fax : +84 (275) 3 827 781
- Mã số thuế : 1300107725

#### • Thông tin về chi nhánh

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cày.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL60, Khu phố 1, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1300107725-007

17.  
T  
NH  
V  
V

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

### 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	01/01/2023	-
Bà Nguyễn Thị Diễm Phương	Chủ tịch HĐQT	20/11/2020	01/01/2023
Ông Trần Thanh Bình	Thành viên	20/11/2020	-
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên	01/01/2023	-
Ông Phan Đình Tân	Thành viên	20/11/2020	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên	20/11/2020	-

#### 4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Phong	Trưởng ban	20/11/2020	-
Ông Nguyễn Đình Huân	Thành viên	20/11/2020	-
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên	20/11/2020	-

#### 4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Bình	Tổng Giám đốc	01/01/2023	-
Ông Trần Hùng	Tổng Giám đốc	20/12/2018	01/01/2023
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2019	-

### 5. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là bà Nguyễn Thị Diễm Phương (Chủ tịch hội đồng quản trị).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2023 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Hùng (Chủ tịch hội đồng quản trị)

### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 32.

### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.







## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2023 (từ trang 07 đến trang 32), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES**



**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
*Giấy CNDKHN số 2141-2023-071-1*  
*Chữ ký được ủy quyền*

**Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên**  
*Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1*

#### **Nơi nhận:**

- *Như trên*
- Lưu **VIETVALUES**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

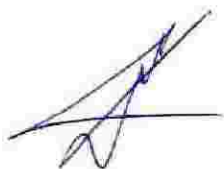
ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>51.540.807.523</b>	<b>81.452.529.987</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>22.993.834.921</b>	<b>47.173.456.855</b>
111	1. Tiền		10.549.467.798	20.881.686.552
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.444.367.123	26.291.770.303
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>15.704.592.857</b>	<b>18.742.086.595</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	15.050.742.665	17.613.272.417
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	472.829.802	941.185.003
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		181.020.390	187.629.175
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.4	<b>9.949.794.254</b>	<b>11.543.872.658</b>
141	1. Hàng tồn kho		9.949.794.254	11.543.872.658
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.892.585.491</b>	<b>3.993.113.879</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	1.316.404.678	1.143.207.500
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.471.851.824	2.762.767.205
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	104.328.989	87.139.174
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>458.927.195.436</b>	<b>437.065.502.944</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>429.271.560.828</b>	<b>416.710.052.489</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	429.179.894.161	416.568.385.822
222	- Nguyên giá		899.368.958.869	848.508.939.031
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(470.189.064.708)	(431.940.553.209)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	91.666.667	141.666.667
228	- Nguyên giá		1.338.000.000	1.338.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.246.333.333)	(1.196.333.333)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>9.347.762.747</b>	<b>5.749.129.490</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	9.347.762.747	5.749.129.490
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.307.871.861</b>	<b>14.606.320.965</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	20.307.871.861	14.606.320.965
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>510.468.002.959</b>	<b>518.518.032.931</b>



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		99.185.235.736	113.258.068.139
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		52.486.427.556	45.191.259.959
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	6.166.966.083	7.947.877.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	185.136.870	208.686.984
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.378.961.685	3.981.249.355
314	4. Phải trả người lao động	V.12	5.411.329.372	4.244.974.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	600.870.947	782.127.778
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	12.592.238.341	3.045.360.116
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	18.536.000.000	18.512.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	6.614.924.258	6.468.983.825
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		46.698.808.180	68.066.808.180
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.14b	2.922.808.180	5.922.808.180
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	43.776.000.000	62.144.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.17	411.282.767.223	405.259.964.792
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		411.282.767.223	405.259.964.792
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		294.000.000.000	294.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.000.000.000	294.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.003.265.065	67.491.101.778
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.279.502.158	43.768.863.014
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	14.700.000.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		35.279.502.158	29.068.863.014
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		510.468.002.959	518.518.032.931

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



TRẦN HÙNG

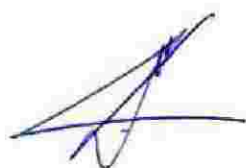
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

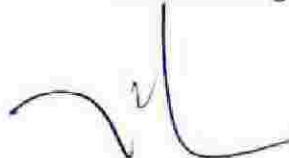
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	215.477.843.148	206.496.868.501
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.317.268	730.034
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		215.476.525.880	206.496.138.467
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	76.983.372.775	83.176.171.651
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.493.153.105	123.319.966.816
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	716.626.446	1.561.177.396
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.143.997.475	5.082.393.195
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.143.997.475	5.082.393.195
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	50.854.885.908	45.813.151.720
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	18.734.839.268	18.025.053.675
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.476.056.900	55.960.545.622
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.117.889.720	2.505.382.672
32	12. Chi phí khác		792.219.235	1.775.471.058
40	13. Lợi nhuận khác		325.670.485	729.911.614
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.801.727.385	56.690.457.236
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	11.235.713.110	9.917.185.542
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		54.566.014.275	46.773.271.694
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	1.605	1.342
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	1.605	1.342

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch HĐQT

TRẦN HÙNG

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

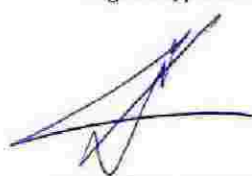
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

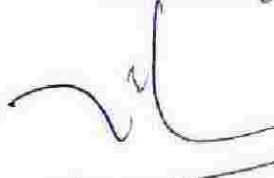
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		234.921.314.601	220.040.759.297
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(81.174.315.024)	(101.042.590.838)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.369.489.182)	(38.402.254.127)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.325.254.306)	(5.263.709.861)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(12.683.150.368)	(6.651.918.293)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.834.415.205	1.126.692.287
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.031.474.749)	(23.028.686.893)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>80.172.046.177</b>	<b>46.778.291.572</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(56.163.116.217)	(44.875.240.316)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.095.250.000	10.499.999
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(1.933.389.824)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	62.806.972.952
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		723.235.231	2.513.442.215
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(54.344.630.986)</b>	<b>18.522.285.026</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	168.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(18.512.000.000)	(18.512.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.16	(31.663.037.125)	(26.460.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(50.007.037.125)</b>	<b>(44.972.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(24.179.621.934)</b>	<b>20.328.576.598</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		47.173.456.855	26.844.880.257
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>22.993.834.921</b>	<b>47.173.456.855</b>

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



TRẦN HÙNG



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (Sau đây gọi tắt là “Công ty”).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Cấp thoát nước Bến Tre là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre, với cổ phần vốn Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu năm nay tăng 4% so với năm trước. Công ty triển khai các kế hoạch ứng phó với hạn mặn tốt, chi phí mua nước thô giảm tương ứng 7% so với năm trước. Ngoài ra, các khoản nợ vay ngân hàng thanh toán trong năm đáng kể nên chi phí lãi vay giảm 18% so với năm trước. Tất cả yếu tố trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 16% so với năm trước.

##### **6. Cấu trúc Công ty**

###### ***Thông tin về chi nhánh***

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005

5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cây.	Áp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL60, Khu phố 1, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1300107725-007

## 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 289 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 295 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.



## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

## 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 2. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 10. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

## 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tạm trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: vật tư, nước sạch thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.



Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng hoạt động xây dựng đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

#### **15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cây Bắc và huyện Mỏ Cây Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**19. Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm nay được trình bày lại theo số liệu trên Biên Bản kiểm toán Nhà nước Khu vực IX ngày 14/10/2022. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>81.436.657.541</b>	<b>81.452.529.987</b>	<b>15.872.446</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>18.726.214.149</b>	<b>18.742.086.595</b>	<b>15.872.446</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	925.312.557	941.185.003	15.872.446
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>518.502.160.485</b>	<b>518.518.032.931</b>	<b>15.872.446</b>
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>113.178.895.420</b>	<b>113.258.068.139</b>	<b>79.172.719</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>45.112.087.240</b>	<b>45.191.259.959</b>	<b>79.172.719</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	7.932.005.281	7.947.877.727	15.872.446
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.917.949.082	3.981.249.355	63.300.273
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>405.323.265.065</b>	<b>405.259.964.792</b>	<b>(63.300.273)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>405.323.265.065</b>	<b>405.259.964.792</b>	<b>(63.300.273)</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	43.832.163.287	43.768.863.014	(63.300.273)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	29.132.163.287	29.068.863.014	(63.300.273)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>518.502.160.485</b>	<b>518.518.032.931</b>	<b>15.872.446</b>

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
Giá vốn hàng bán	11	83.100.203.491	83.176.171.651	75.968.160
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	123.395.934.976	123.319.966.816	(75.968.160)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	56.036.513.782	55.960.545.622	(75.968.160)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	56.766.425.396	56.690.457.236	(75.968.160)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	9.929.853.429	9.917.185.542	(12.667.887)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	46.836.571.967	46.773.271.694	(63.300.273)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.345	1342	(3)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.345	1342	(3)

Chỉ tiêu trên Báo cáo bộ phận trình bày theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Số năm nay trên báo cáo năm trước	Số năm trước trình bày lại trên báo cáo năm nay	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
Doanh thu kinh doanh nước sạch	203.898.722.281	203.898.722.281	-
Giá vốn kinh doanh nước sạch	80.624.228.528	80.700.196.688	75.968.160
Lãi gộp hoạt động kinh doanh nước sạch	123.274.493.753	123.198.525.593	(75.968.160)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	2.898.450	4.001.792
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.546.569.348	20.877.684.760
- Các khoản tương đương tiền	12.444.367.123	26.291.770.303
<b>Cộng</b>	<b><u>22.993.834.921</u></b>	<b><u>47.173.456.855</u></b>

#### *Các khoản tương đương tiền*

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Chi tiết gồm:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Công thương Việt Nam	10.444.367.123	22.291.770.303
- Tiền gửi có kỳ hạn NH NN & PT Nông thôn	-	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Nam Á	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.444.367.123</u></b>	<b><u>26.291.770.303</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>15.050.742.665</i>	<i>17.613.272.417</i>
- Phải thu tiền nước của các hộ dân	14.406.335.894	15.936.462.023
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre	644.406.771	540.980.370
- Các khách hàng khác	-	1.135.830.024
<b>Cộng</b>	<b><u>15.050.742.665</u></b>	<b><u>17.613.272.417</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các cá nhân, tổ chức khác</i>	<i>472.829.802</i>	<i>941.185.003</i>
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Bến Tre	79.165.376	-
- Sở Tài nguyên và Môi trường Bến Tre	330.784.426	-
- Các nhà cung cấp khác	62.880.000	941.185.003
<b>Cộng</b>	<b><u>472.829.802</u></b>	<b><u>941.185.003</u></b>



#### 4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	9.879.482.235	-	11.465.077.929	-
- Công cụ, dụng cụ	16.244.294	-	15.567.925	-
- Chi phí SXKD dở dang	54.067.725	-	63.226.804	-
<b>Cộng</b>	<b>9.949.794.254</b>	<b>-</b>	<b>11.543.872.658</b>	<b>-</b>

(\*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế,...)

#### 5. Chi phí trả trước

##### 5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là khoản chi phí mua bảo hiểm.

##### 5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đồng hồ gắn và thay mới thủy lượng kế	15.742.444.292	11.189.865.802
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.565.427.569	3.416.455.163
<b>Cộng</b>	<b>20.307.871.861</b>	<b>14.606.320.965</b>

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	14.606.320.965	10.821.304.479
Tăng trong năm	16.666.100.129	11.297.874.413
Phân bổ trong năm	(10.964.549.233)	(7.512.857.927)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.307.871.861</b>	<b>14.606.320.965</b>

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	203.992.401.222	72.642.494.760	565.295.099.298	6.578.943.751	848.508.939.031
Tăng trong năm	7.357.002.900	7.516.676.759	39.608.275.833	30.081.818	54.512.037.310
- Tăng do mua mới	-	140.000.000	3.179.533.802	30.081.818	3.349.615.620
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.357.002.900	7.376.676.759	36.428.742.031	-	51.162.421.696
Giảm trong năm	(248.911.521)	(1.222.353.794)	(2.172.141.746)	(8.610.411)	(3.652.017.472)
- Giảm do thanh lý	-	(1.218.182.000)	-	-	(1.218.182.000)
- Giảm khác	(248.911.521)	(4.171.794)	(2.172.141.746)	(8.610.411)	(2.433.835.472)
<b>Số cuối năm</b>	<b>211.100.492.601</b>	<b>78.936.817.725</b>	<b>602.731.233.385</b>	<b>6.600.415.158</b>	<b>899.368.958.869</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.668.702.494	12.725.767.369	123.458.049.986	591.040.000	156.443.559.849
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	94.010.793.756	33.799.256.407	302.319.048.972	1.811.454.074	431.940.553.209
Tăng trong năm	8.683.761.794	6.023.258.093	24.372.850.470	751.381.886	39.831.252.243
- Khấu hao	8.683.761.794	6.023.258.093	24.372.850.470	751.381.886	39.831.252.243
Giảm trong năm	(134.598.765)	(1.219.602.644)	(226.413.640)	(2.125.695)	(1.582.740.744)
- Giảm do thanh lý	-	(1.218.182.000)	-	-	(1.218.182.000)
- Giảm khác	(134.598.765)	(1.420.644)	(226.413.640)	(2.125.695)	(364.558.744)
<b>Số cuối năm</b>	<b>102.559.956.785</b>	<b>38.602.911.856</b>	<b>326.465.485.802</b>	<b>2.560.710.265</b>	<b>470.189.064.708</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	109.981.607.466	38.843.238.353	262.976.050.326	4.767.489.677	416.568.385.822
Số cuối năm	108.540.535.816	40.333.905.869	276.265.747.583	4.039.704.893	429.179.894.161
Giá trị còn lại tài sản cầm cố, thế chấp (Xem tại thuyết minh số V.15)	60.100.015.357	7.569.218.392	83.694.454.762	-	151.363.688.511



7. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình, phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.338.000.000	1.338.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.338.000.000	1.338.000.000
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.188.000.000	1.188.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.196.333.333	1.196.333.333
Khấu hao trong năm	50.000.000	50.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.246.333.333	1.246.333.333
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	141.666.667	141.666.667
Số cuối năm	91.666.667	91.666.667

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	3.000.000	1.841.914.071	(1.841.914.071)	(3.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.879.024.443	52.565.153.183	(48.125.256.626)	(151.245.237)	9.167.675.763
- Bể nước sạch 1000 trạm Hàm Luông	-	5.530.369.218	-	-	5.530.369.218
- MLCN Huyện Giồng Trôm Đ1-2021; MLCN Huyện Giồng Trôm Đợt 3/2022-ống CN Các loại	850.738.497	1.719.032.305	(1.194.163.970)	(1.998.497)	1.373.608.335
- Tuyển ống CN từ NMN Hữu Định về Khu Công nghiệp Giao Long	103.463.002	779.168.926	-	(30.448.601)	852.183.327
- HR CNCN Chợ Lách; MLCN Mỏ Cây Bấc Đ1/2021; MLCN TPBT Đ 1/2022	5.150.000	700.160.008	(45.408.056)	-	659.901.952
- Các công trình khác	3.919.672.944	43.836.422.726	(46.885.684.600)	(118.798.139)	751.612.931
Sửa chữa lớn TSCĐ	867.105.047	4.560.501.116	(3.038.185.064)	(2.209.334.115)	180.086.984
Cộng	5.749.129.490	58.967.568.370	(53.005.355.761)	(2.363.579.352)	9.347.762.747

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.166.966.083	7.947.877.727
- Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	2.255.606.601	-
- Sở Tài Chính Bến Tre	563.629.255	279.506.782
- Công ty CP Xây dựng Toàn Thắng Lợi	284.687.642	-
- Các nhà cung cấp khác	3.063.042.585	7.668.370.945
Cộng	6.166.966.083	7.947.877.727

## 10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản nhận ứng trước tiền cung cấp nước sạch tại các huyện.

## 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT đầu ra	-	29.039.076	-	-	-	29.039.076
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.932.382.183	-	11.235.713.110	(12.683.150.368)	1.484.944.925	-
- Thuế thu nhập cá nhân	238.206.451	-	321.347.752	(300.725.160)	258.829.043	-
- Thuế tài nguyên	309.271.721	-	846.107.129	(1.040.653.721)	114.725.129	-
- Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	501.389.000	-	5.948.475.642	(5.929.402.054)	520.462.588	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	58.100.098	177.074.420	(194.264.235)	-	75.289.913
- Các loại thuế khác	-	-	227.863.418	(227.863.418)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.981.249.355</b>	<b>87.139.174</b>	<b>18.765.581.471</b>	<b>(20.385.058.956)</b>	<b>2.378.961.685</b>	<b>104.328.989</b>

### 11a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

### 11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.801.727.385	56.690.457.236
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	826.813.844	2.781.997.081
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	66.628.541.229	59.472.454.317
Thu nhập được ưu đãi thuế (*)	20.899.951.357	19.773.053.213
+ Thu nhập được giảm 50% thuế	20.899.951.357	19.773.053.213
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.325.708.246	11.894.490.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	2.089.995.136	(1.977.305.321)
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>11.235.713.110</b>	<b>9.917.185.542</b>

(\*) Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế Tỉnh Bến Tre. Bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mô Cày Bắc và huyện Mô Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

## 12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	1.370.532.900	1.412.601.335
- Cán bộ công nhân viên	4.040.796.472	2.832.372.839
<b>Cộng</b>	<b>5.411.329.372</b>	<b>4.244.974.174</b>

### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả của các ngân hàng.

### 14. Phải trả ngắn hạn khác

#### 14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>12.592.238.341</i>	<i>3.045.360.116</i>
- Cổ tức phải trả	9.496.962.875	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.445.105	45.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.011.830.361	3.000.360.116
<b>Cộng</b>	<b><u>12.592.238.341</u></b>	<b><u>3.045.360.116</u></b>

#### 14b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nợ ngân sách Nhà nước theo biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2017.

### 15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

#### 15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.536.000.000</i>	<i>18.536.000.000</i>	<i>18.512.000.000</i>	<i>18.512.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre <sup>(1)</sup>	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam CN Bến Tre <sup>(2)</sup>	24.000.000	24.000.000		
<b>Cộng</b>	<b><u>18.536.000.000</u></b>	<b><u>18.536.000.000</u></b>	<b><u>18.512.000.000</u></b>	<b><u>18.512.000.000</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chuyển từ vay dài hạn sang</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả	18.512.000.000	-	18.536.000.000	(18.512.000.000)	18.536.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>18.512.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>18.536.000.000</u></b>	<b><u>(18.512.000.000)</u></b>	<b><u>18.536.000.000</u></b>



15b. *Vay và nợ thuê tài chính dài hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	43.776.000.000	43.776.000.000	62.144.000.000	62.144.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre <sup>(1)</sup>	43.632.000.000	43.632.000.000	62.144.000.000	62.144.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam CN Bến Tre <sup>(2)</sup>	144.000.000	144.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>43.776.000.000</b>	<b>43.776.000.000</b>	<b>62.144.000.000</b>	<b>62.144.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008.

- Hạn mức: 64.836.778.484 đồng;

- Thời hạn vay: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ);

- Lãi suất: 5%/năm;

- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc. Chi tiết xem tại Thuyết minh số V.7 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 15.124.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2023 là 4.322.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014

- Hạn mức: 177.360.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu);

- Lãi suất: 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn);

- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn I, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày;

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.7 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 47.020.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2022 là 14.190.000.000 đồng;

<sup>(2)</sup> Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 27873.069/2022-HĐCVDADT/NHCT780005-BEWACO ngày 30/12/2022.

- Hạn mức: 16.500.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 84 tháng

- Lãi suất: 13%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);

- Mục đích vay: Vay bù đắp

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai.

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 168.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2023 là 24.000.000 đồng.

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	62.144.000.000	168.000.000	(18.536.000.000)	-	43.776.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.144.000.000</b>	<b>168.000.000</b>	<b>(18.536.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>43.776.000.000</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.180.581.896	6.984.578.833	8.216.000	(6.847.085.482)	6.326.291.247
Quỹ khen thưởng ban điều hành	288.401.929	398.633.011	-	(398.401.929)	288.633.011
<b>Cộng</b>	<b>6.468.983.825</b>	<b>7.383.211.844</b>	<b>8.216.000</b>	<b>(7.245.487.411)</b>	<b>6.614.924.258</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	188.160.000.000	64,00	188.160.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	51.095.100.000	17,38	51.095.100.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	44.100.000.000	15,00	44.100.000.000	15,00
- Khác	10.644.900.000	3,62	10.644.900.000	3,62
<b>Cộng</b>	<b>294.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>294.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

*Tình hình góp vốn điều lệ như sau:*

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	294.000.000.000	294.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>294.000.000.000</b>	<b>294.000.000.000</b>	<b>-</b>

**17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	294.000.000.000	294.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	294.000.000.000	294.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích lập	41.160.000.000	26.460.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(31.663.037.125)	(26.460.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải chi	9.496.962.875	-

**17d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP

**17e. Các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**17f. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 04/06/2022.

• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	:	26.460.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	:	2.672.163.287
<b>Cộng</b>		<b>29.132.163.287</b>

Trong năm, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 04/06/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT kí ngày 28/11/2022.

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022	:	6.984.578.833
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2022	:	398.633.011
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2022	:	11.840.000.000
• Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022		14.700.000.000
<b>Cộng</b>		<b>33.923.211.844</b>

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****18a. Tài sản nhận giữ hộ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên giá của tài sản cố định nhận giữ hộ <sup>(*)</sup>	14.159.178.193	14.159.178.193

<sup>(\*)</sup> Những công trình từ nguồn vốn ngân sách, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre bàn giao cho Công ty giữ hộ.

**18b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nợ khó đòi đã xử lý	810.711.221	811.466.906



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**

**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp nước sạch	213.318.804.606	203.898.722.281
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	1.341.516.630	1.935.892.877
- Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	611.198.541	79.787.886
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	205.006.103	581.735.423
<b>Cộng</b>	<b><u>215.476.525.880</u></b>	<b><u>206.496.138.467</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn cung cấp nước sạch	75.173.019.025	80.700.196.688
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	1.324.740.759	1.918.751.766
- Giá vốn từ hoạt động thu phí BVMT	365.568.000	70.462.155
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	120.044.991	486.761.042
<b>Cộng</b>	<b><u>76.983.372.775</u></b>	<b><u>83.176.171.651</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Toàn bộ là lãi tiền gửi ngân hàng.

**4. Chi phí tài chính**

Toàn bộ là chi phí lãi vay các ngân hàng.

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	10.675.170.650	9.677.091.60
- Chi phí vật liệu, công cụ	12.363.123.285	10.145.972.784
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.707.194.464	23.987.286.334
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	2.109.397.509	2.002.801.002
<b>Cộng</b>	<b><u>50.854.885.908</u></b>	<b><u>45.813.151.720</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	10.971.975.514	10.893.280.988
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.487.220.604	1.508.072.408
- Chi phí phân bổ	2.267.786.141	2.518.714.753
- Thuế, phí và lệ phí	33.379.832	26.543.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	3.974.477.177	3.078.441.871
<b>Cộng</b>	<b><u>18.734.839.268</u></b>	<b><u>18.025.053.675</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
- Thanh lý tài sản – vật tư	1.082.741.260	9.545.454
- Phí BVMT được để lại (*)	-	2.489.083.839
- Các khoản khác	35.148.460	6.753.379
<b>Cộng</b>	<b><u>1.117.889.720</u></b>	<b><u>2.505.382.672</u></b>

(\*) Là khoản phí BVMT được để lại của các năm trước không sử dụng hết, do từ tháng 07/2020 đã thực hiện theo Nghị định 53/2020/NĐ-CP ký ngày 05/05/2020, số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức cung cấp nước sạch.

#### 8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.235.713.110	9.917.185.542
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.235.713.110</b>	<b>9.917.185.542</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.566.014.275	46.773.271.694
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.182.802.431	39.468.863.014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	29.400.000	29.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>1.605</b>	<b>1.342</b>

(\*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2022. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

#### 10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.566.014.275	46.773.271.694
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.182.802.431	39.468.863.014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (**)	29.400.000	29.400.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>1.605</b>	<b>1.342</b>

(\*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2022. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



(\*\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) được tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	29.400.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>29.400.000</b>

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.686.110.646	30.520.268.296
- Chi phí nhân công	38.804.052.579	37.838.302.732
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.881.252.243	37.207.003.398
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	34.201.682.483	41.448.802.620
<b>Cộng</b>	<b>146.573.097.951</b>	<b>147.014.377.046</b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

##### 1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

##### 2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

##### 3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Diễm Phượng <sup>(1)</sup>	Chủ tịch HĐQT	607.764.960	607.392.000
Trần Hùng <sup>(2)</sup>	Chủ tịch HĐQT	574.912.800	574.560.000
Trần Thanh Bình <sup>(3)</sup>	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	512.743.176	512.456.208
Phan Thanh Bình <sup>(4)</sup>	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	512.743.176	512.456.208
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	512.743.176	512.456.208
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	468.156.802	467.894.804
<b>Cộng</b>		<b>3.189.064.090</b>	<b>3.187.215.428</b>



Thù lao	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Lưu Văn Khanh	Thư ký	42.000.000	42.000.000
Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	42.000.000	42.000.000
<b>Cộng</b>		<b>312.000.000</b>	<b>312.000.000</b>

Cổ tức	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Diễm Phượng	Chủ tịch HĐQT	33.831.000	33.831.000
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	6.993.000	6.993.000
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	5.670.000	5.670.000
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	1.228.500	1.228.500
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	11.907.000	11.907.000
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	18.778.500	18.778.500
<b>Cộng</b>		<b>78.408.000</b>	<b>78.408.000</b>

<sup>(1)</sup> Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng miễn nhiệm từ ngày 01/01/2023;

<sup>(2)</sup> Ông Trần Hùng được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

<sup>(3)</sup> Ông Trần Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

<sup>(4)</sup> Ông Phan Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023.

### 3b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Cổ đông sở hữu 64,00 % cổ phần
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	Cổ đông sở hữu 17,38 % cổ phần
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	Cổ đông sở hữu 15,00 % cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm gồm:

	Năm nay	Năm trước
<b>Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre</b>		
- Trả cổ tức	16.934.400.000	16.934.400.000
<b>Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh</b>		
- Trả cổ tức	4.598.559.000	4.598.559.000
<b>Công ty TNHH Hoàn Cầu</b>		
- Trả cổ tức	3.969.000.000	3.969.000.000

## Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp nước sạch;
- Thi công tuyến cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

	Cung cấp nước sạch	Thi công tuyến cấp thoát nước	Hoạt động thu phí BVMT	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	Cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng	213.318.804.606	1.341.516.630	611.198.541	205.006.103	215.476.525.880
Giá vốn hàng bán	75.173.019.025	1.324.740.759	365.568.000	120.044.991	76.983.372.775
<b>Lãi gộp</b>	<b>138.145.785.581</b>	<b>16.775.871</b>	<b>245.630.541</b>	<b>84.961.112</b>	<b>138.493.153.105</b>
<i>Tỷ lệ lãi gộp</i>	<b>64,76%</b>	<b>1,25%</b>	<b>40,19%</b>	<b>41,44%</b>	<b>64,27%</b>
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng	203.898.722.281	1.935.892.877	581.735.423	79.787.886	206.496.138.467
Giá vốn hàng bán	80.700.196.688	1.918.751.766	486.761.042	70.462.155	83.176.171.651
<b>Lãi gộp</b>	<b>123.198.525.593</b>	<b>17.141.111</b>	<b>94.974.381</b>	<b>9.325.731</b>	<b>123.319.966.816</b>
<i>Tỷ lệ lãi gộp</i>	<b>60,42%</b>	<b>0,89%</b>	<b>16,33%</b>	<b>11,69%</b>	<b>59,72%</b>

### Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

### Thông tin về hoạt động liên tục

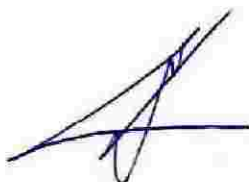
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

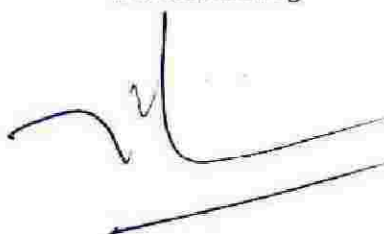
*Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2023.*

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG

Chủ tịch HĐQT



TRẦN HÙNG



PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4
<b>A</b>				
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2021	294.000.000.000	53.135.484.191	45.115.617.587	392.251.101.778
Tăng trong năm	-	14.355.617.587	46.773.271.694	61.128.889.281
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	14.355.617.587	-	14.355.617.587
- Lãi trong năm	-	-	46.773.271.694	46.773.271.694
Giảm trong năm	-	-	(48.120.026.267)	(48.120.026.267)
- Trích quỹ đầu tư phát triển từ KQKD năm 2020	-	-	(3.955.617.587)	(3.955.617.587)
- Chia cổ tức từ KQKD năm 2020	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ KQKD năm 2021	-	-	(6.906.006.751)	(6.906.006.751)
- Trích Quỹ thưởng ban quản lý từ KQKD năm 2021	-	-	(398.401.929)	(398.401.929)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ KQKD năm 2021	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	294.000.000.000	67.491.101.778	43.768.863.014	405.259.964.792
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2022	294.000.000.000	67.491.101.778	43.768.863.014	405.259.964.792
Tăng trong năm	-	14.512.163.287	54.566.014.275	69.078.177.562
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	14.512.163.287	-	14.512.163.287
- Lãi trong năm	-	-	54.566.014.275	54.566.014.275
Giảm trong năm	-	-	(63.055.375.131)	(63.055.375.131)
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	(2.672.163.287)	(2.672.163.287)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	(6.984.578.833)	(6.984.578.833)
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2022	-	-	(398.633.011)	(398.633.011)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2022	-	-	(11.840.000.000)	(11.840.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(14.700.000.000)	(14.700.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	294.000.000.000	82.003.265.065	130.929.508.158	411.282.767.223

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 3 năm 2023

CHÍNH THỨC  
CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NIƯỚC  
BẾN TRE  
TP. BẾN TRE - T. BẾN TRE

NGUYỄN DUY HIỀN

VÕ THỊ THIÊN TRANG

TRẦN HÙNG

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Bến Tre, ngày 17 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

~~Chủ tịch~~ Hội đồng quản trị



**Trần Hùng**







## CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC BẾN TRE



Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội,  
thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.



(0275) 3811 533 - 3825 727



(0275) 3827 781



[www.capnuocbentre.vn](http://www.capnuocbentre.vn)